

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH KHOÁ 23**

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1	A15957	Nguyễn Lê Hùng Tiến	26/12/1992	Thanh Hóa	QB23g1	6.8
2	A15959	Nguyễn Thị Ngọc Mai	23/01/1992	Hà Nội	QB23g1	6.2
3	A15960	Trương Thị Hồng Nhung	22/03/1992	Thanh Hóa	QA23g1	6.7
4	A15961	Đào Đức Trung	02/07/1992	Bắc Giang	QB23g1	6.8
5	A15962	Lê Thị Thu Hòa	05/07/1991	Thanh Hóa	QB23g1	5.5
6	A15963	Phạm Thị Minh Nga	19/01/1992	Hải Dương	QB23c1	7.2
7	A15965	Nguyễn Thị Yến Ngọc	15/08/1992	Nghệ An	QA23g1	6.5
8	A15966	Nguyễn Hồng Quân	20/02/1992	Quảng Ninh	QB23c1	6.6
9	A15967	Nguyễn Văn Đình	09/09/1992	Hà Nội	QB23g1	6.2
10	A15968	Nguyễn Đức Nghĩa	28/11/1992	Hà Nội	QE23c1	6.7
11	A15969	Nguyễn Bá Vinh	12/04/1991	Hà Nội	QH23c1	6
12	A15970	Đỗ Thị An	30/11/1992	Hung Yên	QB23e1	6
13	A15971	Nguyễn Tùng Lâm	09/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
14	A15972	Nguyễn Hoàng Anh	21/07/1992	Hà Tây	QA23g1	6.6
15	A15973	Đỗ Thị Phương Anh	18/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.5
16	A15974	Nguyễn Thu Hiền	14/09/1992	Hà Nội	QB23c1	6.6
17	A15975	Nguyễn Văn Linh	18/01/1992	Quảng Ninh	QA23c1	6.6
18	A15976	Nguyễn Xuân Trung	19/02/1992	Hà Nội	QA23c1	7
19	A15978	Đỗ Nguyễn Ngọc Anh	09/10/1992	Thái Bình	QB23c1	6
20	A15979	Hà Sỹ Tuấn Vinh	05/12/1991	Hà Nội	TI23c1	6.2
21	A15980	Đỗ Hà Trang	18/12/1992	Điện Biên	QB23d1	6.2
22	A15981	Mai Yên Nhi	14/04/1992	Thái Nguyên	QB23a1	7
23	A15983	Lê Quỳnh Trang	16/11/1992	Thanh Hóa	QB23d1	7
24	A15984	Nguyễn Thanh Hiền	12/06/1992	Hà Nội	QB23d1	6.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
25	A15986	Phạm Sĩ Hùng	04/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
26	A15987	Nguyễn Thị Hoa	14/06/1992	Hung Yên	QA23d1	6.3
27	A15989	Đỗ Quang Hùng	15/02/1991	Hà Nội	QE23g1	6.4
28	A15990	Bùi Diễm My	28/08/1992	Hải Phòng	QA23e1	6.2
29	A15992	Bùi Bích Ngọc	30/10/1991	Quảng Ninh	QB23e1	6
30	A15993	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/11/1992	Điện Biên	QB23g1	6.2
31	A15995	Nguyễn Thị Thu Hường	04/09/1992	Hà Nội	QB23c1	7.1
32	A15996	Nguyễn Thị Hương	04/08/1992	Nghệ An	QB23e1	6.4
33	A15997	Nguyễn Khắc Ngọc	10/10/1992	Hà Nội	QB23e1	6.8
34	A15998	Nguyễn Thị Phương Anh	07/12/1991	Hà Nội	QB23e1	6.7
35	A16000	Vũ Xuân Bách	22/03/1991	Thái Bình	QB23d1	5.9
36	A16001	Phạm Việt Hưng	12/10/1992	Quảng Ninh	QB23g1	6.4
37	A16002	Phùng Văn Mạnh	21/05/1992	Thanh Hóa	QE23e1	5.9
38	A16003	Lâm Tích Ngọc	24/09/1992	Quảng Ninh	QB23c1	7
39	A16004	Đoàn Linh Phương	12/07/1992	Hà Nội	QA23g1	6.5
40	A16006	Trần Quốc Khởi	18/03/1991	Ninh Bình	QB23e1	6.7
41	A16007	Nguyễn Ngọc Duy	18/02/1993	Hà Nội	QB23e1	6.4
42	A16008	Nguyễn Văn Chuyên	21/07/1991	Hà Tây	QE23g1	6.7
43	A16009	Lã Hồng Diệu Linh	01/08/1992	Hà Nội	QB23d1	6.4
44	A16010	Trần Thanh Hằng	27/03/1992	Hà Nội	QA23g1	6.4
45	A16011	Đỗ Chính Khoa	20/06/1991	Hà Nội	QB23c1	6.2
46	A16012	Đỗ Minh Điệp	20/08/1992	Nam Định	QB23e4	6.9
47	A16014	Phạm Thùy Dung	02/03/1992	Hà Nội	QB23b1	6.1
48	A16016	Nguyễn Quỳnh Trang	03/12/1992	Hà Nội	QB23g1	5.8
49	A16017	Đặng Đình Khánh	27/05/1992	Quảng Ninh	QB23c1	6.1
50	A16021	Tô Ngọc Hải	16/06/1992	Bình Định	SP23g1	5.9
51	A16022	Vũ Hoàng Hải	08/09/1992	Hải Dương	QB23g1	7.3
52	A16023	Tạ Thu Hằng	31/10/1992	Thái Bình	QB23c1	6
53	A16024	Hoàng Tú Anh	20/07/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
54	A16025	Nguyễn Xuân Hùng	03/03/1992	Hà Nội	TI23g1	6.4
55	A16026	Nguyễn Thùy Dương	07/04/1991	Hà Nội	QB23a2	6.9
56	A16028	Lê Thị Lụa	28/06/1992	Hà Nội	QA23b1	7.4
57	A16029	Đoàn Thị Thanh Phương	25/11/1992	Thái Bình	SP23e1	6.1
58	A16031	Phạm Thị Liên	01/12/1991	Bắc Ninh	QB23c10	6.2
59	A16034	Trịnh Bích Ngọc	04/09/1991	Hà Nội	QB23g1	5.8
60	A16037	Nguyễn Thuý An	23/01/1992	Hà Nội	QB23c1	6.8
61	A16038	Lê Huyền Trang	20/01/1992	Hà Nội	QB23c1	7
62	A16039	Trịnh Thị Khánh Ly	06/04/1992	Hà Nội	QB23b1	7.5
63	A16040	Trần Thu Thủy	11/10/1992	Hà Tây	QB23g1	6.4
64	A16042	Nguyễn Ngọc Phượng	27/07/1992	Hà Nội	QB23c1	7
65	A16043	Phạm Minh Ngọc	01/06/1992	Hà Nội	QB23b1	6.2
66	A16044	Tạ Minh Đức	02/02/1992	Hà Tây	QB23g1	6.6
67	A16046	Bùi Mai Linh	10/12/1992	Hà Nội	QA23b1	6.5
68	A16047	Phạm Chí Nam	09/01/1992	Hà Nội	QA23c1	6.5
69	A16048	Nguyễn Minh Hoa	17/05/1992	Hà Nội	QA23e1	7.1
70	A16049	Bùi Kim Ngân	13/12/1992	Hà Nội	QB23c1	6.6
71	A16050	Trương Ngọc Huyền	28/11/1992	Hà Nội	QB23b1	7.2
72	A16052	Trịnh Thu Hà	13/08/1992	Quảng Ninh	QA23e1	6.3
73	A16055	Nguyễn Thùy Linh	25/04/1992	Hà Tây	QB23g1	6.4
74	A16056	Trương Thị Thu Quỳnh	23/01/1992	Quảng Ninh	QB23c1	6.4
75	A16057	Nguyễn Năng Khánh	27/02/1992	Hà Nội	QB23c1	6.5
76	A16058	Nguyễn Thị Tuyết Vân	15/08/1992	Hà Tây	QE23e1	6.6
77	A16059	Nguyễn Thị Thủy Tiên	29/12/1992	Hà Nam	QB23g1	6.2
78	A16060	Lê Thị Ngọc Vui	13/07/1991	Lạng Sơn	NJ23g1	5.8
79	A16061	Phạm Thị Kiều Ly	03/07/1992	Nghệ An	QA23c1	7.1
80	A16062	Nguyễn Công Minh	08/10/1992	Bắc Giang	QA23c1	6.9
81	A16063	Nguyễn Thị Lan Phương	15/09/1992	Hà Nội	QB23c1	7
82	A16064	Đỗ Văn Sỹ	18/05/1992	Hà Nội	QB23g1	6.5

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
83	A16065	Phạm Thị Quyên	11/10/1992	Hà Nam	QE23e1	6.2
84	A16068	Trương Ngọc Mai	12/04/1992	Hà Nội	QB23b1	6
85	A16069	Lê Mạnh Linh	05/07/1992	Hà Nội	QB23a1	6.4
86	A16070	Nguyễn Thị Kiều My	23/01/1992	Hải Phòng	QB23c1	7.5
87	A16071	Lê Thùy Linh	01/07/1992	Hà Tây	QA23e1	6.8
88	A16072	Lê Hoàng Tú	26/09/1992	Hà Nội	QB23g1	6.2
89	A16073	Ngô Quỳnh Liên	18/09/1992	Hà Nội	SN23e1	6.6
90	A16074	Nguyễn Văn Luân	27/02/1991	Hà Tây	QB23g1	6.5
91	A16076	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/02/1992	Hải Phòng	QB23c1	6.5
92	A16078	Bùi Phương Thảo	14/12/1992	Hà Nội	QA23g1	6.3
93	A16079	Nguyễn Hoàng Việt	17/01/1992	Hà Nội	QB23g10	6.3
94	A16081	Nguyễn Thủy Linh	29/10/1992	Hà Nam	QB23e1	6.6
95	A16082	Phạm Thị Hằng	25/03/1991	Quảng Ninh	QB23c1	6.4
96	A16083	Trần Thị Vân Anh	05/02/1992	Hà Nội	QB23g1	6.1
97	A16084	Trần Ngọc Minh	14/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
98	A16085	Đào Hoài Thu	01/11/1992	Hà Tây	QB23a1	6.5
99	A16086	Nguyễn Việt Thắng	22/11/1992	Hà Tây	QA23g1	6.2
100	A16087	Trần Minh Trang	02/11/1992	Hà Nội	QB23a1	5.8
101	A16088	Nguyễn Thị Vân	03/02/1992	Bắc Ninh	SP23g1	6.8
102	A16089	Trần Đăng Tiến	11/02/1991	Thanh Hóa	SN23g1	6.6
103	A16090	Hoàng Khánh Vân	09/05/1992	Hà Nội	QE23g2	5.5
104	A16091	Nguyễn Minh Hoàn	24/07/1991	Hà Nội	QB23g1	6.2
105	A16092	Nguyễn Thanh Thanh	02/04/1992	Hà Nội	QB23c1	6.8
106	A16093	Nguyễn Thị Phượng	19/09/1990	Hà Tây	QB23c1	6
107	A16094	Bùi Trần Đức	02/11/1991	Hà Nội	QB23e1	6.2
108	A16095	Nguyễn Bích Thư	23/05/1992	Hà Nội	QB23b1	6.2
109	A16099	Nguyễn Thị Kim Anh	21/11/1992	Hà Tây	QB23c1	6.8
110	A16100	Lê Đình Dũng	12/09/1991	Hà Nội	QB23c1	7.4
111	A16101	Nguyễn Thùy Chi	09/03/1993	Hải Phòng	QB23c1	8.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
112	A16102	Đỗ Thị Minh Trang	18/11/1992	Thái Bình	SN23e1	7.4
113	A16103	Chu Thị Hương	14/10/1992	Bắc Ninh	SN23c1	6.9
114	A16104	Nguyễn Thị Thanh Tâm	23/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.7
115	A16105	Nguyễn Hữu Lâm	01/01/1992	Hà Nội	QB23c3	6.1
116	A16106	Trần Thị Lê Phương	01/10/1992	Hà Tĩnh	QB23d1	6.4
117	A16108	Nguyễn Khánh Linh	23/02/1992	Hà Nội	QB23e1	5.5
118	A16110	Nguyễn Ngọc Phát	22/08/1992	Hà Nội	QB23c5	6.1
119	A16111	Hồ Thị Hoàng Anh	21/02/1992	Quảng Ninh	QA23g1	6.3
120	A16112	Nguyễn Thị Diệu Huyền	21/04/1992	Hòa Bình	QB23g1	6.7
121	A16113	Đặng Kim Linh	25/12/1992	Hà Nội	QB23a1	6.3
122	A16114	Văn Thị Hồng Nhung	04/08/1992	Hà Nội	SP23e1	6.4
123	A16115	Nguyễn Hường Mai	01/12/1992	Quảng Ninh	QB23a1	6.9
124	A16116	Nguyễn Thị Lệ Chi	05/11/1992	Hung Yên	QB23g1	5.9
125	A16117	Phan Thị Thuỳ Dương	19/01/1992	Hà Nội	QB23b1	6.7
126	A16118	Thời Hồng Nga	29/11/1992	Hà Nội	QB23a1	6.7
127	A16119	Dương Hoài Nam	28/08/1992	Hà Nội	QA23d1	6.6
128	A16120	Nguyễn Minh Anh	08/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.5
129	A16121	Lê Tú Tâm	23/02/1992	Thanh Hóa	QA23g1	6.8
130	A16122	Tạ Trung Hiếu	04/02/1992	Hà Nội	QB23g1	7.5
131	A16123	Nguyễn Công Toàn	31/01/1992	Hà Nội	TC23c1	6.9
132	A16124	Đỗ Thị Ngọc Bích	11/05/1991	Hà Nam	QB23c1	7
133	A16126	Nguyễn Văn Hiếu	11/01/1992	Hà Nội	QA23c1	6.6
134	A16127	Vũ Hương Quỳnh Trang	31/08/1992	Quảng Ninh	QA23d1	7.4
135	A16128	Trần Thị Huyền Trang	26/04/1992	Hải Dương	QA23g1	7
136	A16129	Nguyễn Thanh Hà	06/01/1992	Hà Tây	QB23g1	6.4
137	A16130	Lê Minh Tân	06/02/1992	Thanh Hóa	QB23g1	6.2
138	A16131	Lương Xuân Hải	11/09/1991	Ninh Bình	QB23e1	5.8
139	A16132	Trịnh Kim Thoa	30/05/1992	Lào Cai	QA23g1	5.9
140	A16133	Phạm Thị Thu Hà	07/05/1992	Quảng Ninh	QB23c1	6.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
141	A16134	Tổng Thị Khánh Linh	30/01/1992	Hà Nội	QB23a1	6.3
142	A16135	Nguyễn Đức Anh	19/11/1992	Hà Nội	QB23d4	6.5
143	A16136	Ứng Thị Thu Giang	11/11/1992	Thanh Hóa	QB23e1	5.9
144	A16137	Nguyễn Minh Tiến	05/12/1991	Hà Nội	QB23b1	6.2
145	A16139	Phùng Thị Hạnh	24/07/1992	Hà Nội	QB23e1	6.6
146	A16140	Đỗ Anh Tuấn	27/07/1992	Hà Nội	QB23g1	6.7
147	A16141	Kiều Khánh Linh	17/02/1992	Hà Tây	QA23e1	7.3
148	A16142	Đình Thị Mỹ Hạnh	01/04/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
149	A16143	Kiều Huyền Trang	27/11/1992	Hà Tây	QA23e1	6.8
150	A16145	Nguyễn Cửu Diệu Hương	08/05/1992	Hà Nội	QB23c1	7
151	A16146	Trần Phương Thảo	14/11/1992	Hà Nội	QB23g1	6
152	A16149	Nguyễn Thị Lân	30/09/1992	Hà Nội	QE23b1	6.9
153	A16152	Nguyễn Đức Việt	02/03/1992	Bắc Ninh	TI23g1	6.5
154	A16153	Đặng Quang Trình	01/11/1992	Thái Bình	QB23g1	6.3
155	A16154	Phạm Thị Thanh Nga	09/10/1992	Hà Nội	NE23a1	6.2
156	A16155	Bùi Đức Duy	28/08/1992	Thái Bình	SN23g1	7.2
157	A16156	Bùi Đức Cảnh	29/09/1992	Hà Nội	XV23e1	6
158	A16157	Vũ Đình Quý	20/12/1992	Hà Nội	QB23d1	5.9
159	A16158	Nguyễn Trà My	10/11/1992	Hà Nội	QA23c1	6.6
160	A16159	Trần Phú Hưng	05/10/1992	Hà Nội	QB23d1	6.3
161	A16161	Phạm Thị Tuyền	03/09/1991	Thái Bình	SN23g1	6.3
162	A16162	Nguyễn Thị Hoa	07/12/1990	Phú Thọ	XW23e1	6.3
163	A16163	Hứa Thu Hiền	18/05/1992	Quảng Ninh	QA23g1	6.5
164	A16164	Chu Thị Thanh Hà	02/10/1992	Hà Nội	QB23e1	6.1
165	A16165	Nguyễn Linh Chi	25/07/1992	Hà Nội	QA23c1	5.9
166	A16166	Nguyễn Bá Hoàng	10/10/1992	Bắc Ninh	QB23g1	6.1
167	A16167	Trịnh Thị Nhung	19/04/1992	Nam Định	SN23d1	6.3
168	A16168	Kim Oanh	19/11/1992	Hà Nội	QB23g1	6.4
169	A16169	Bùi Nguyên Hà	30/05/1992	Hà Tây	QB23b1	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
170	A16170	Bùi Anh Thư	06/09/1991	Hà Nội	QE23c1	5.7
171	A16171	Nguyễn Thị Thuý Hằng	07/11/1992	Phú Thọ	QA23g1	7.1
172	A16172	Đào Thu Trang	13/07/1992	Hà Tây	QA23g1	5.8
173	A16175	Nguyễn Thị Dung	19/01/1992	Hà Tây	QA23e1	6.8
174	A16176	Nguyễn Mạnh Tùng	16/10/1992	Tuyên Quan	QB23g1	6.3
175	A16177	Ngô Thị Loan	25/12/1992	Hà Nam	QB23e1	5.8
176	A16178	Nguyễn Thị Thảo	12/03/1991	Vĩnh Phúc	QB23c2	7
177	A16180	Đặng Bảo Yến	08/11/1992	Hà Tây	QB23d1	6.9
178	A16182	Nguyễn Duy Hưng	29/10/1992	Hà Nội	QB23g1	5.8
179	A16183	Phạm Hữu Trung	08/05/1992	Thái Bình	QB23g2	5.9
180	A16185	Lê Đoan Trang	01/04/1992	Hà Nội	QA23c1	6.5
181	A16186	Nguyễn Thu Hằng	14/01/1992	Hà Nội	QB23b1	6.3
182	A16188	Nguyễn Thị Thuận	26/11/1992	Hải Dương	QA23d1	6.8
183	A16189	Ngô Thị Mai Phương	30/10/1992	Quảng Ninh	QA23g1	7.3
184	A16191	Nguyễn Thị Yến	23/06/1992	Bắc Ninh	QB23g2	5.8
185	A16192	Nguyễn Việt Dũng	10/03/1992	Bắc Ninh	QB23g2	6.7
186	A16194	Đỗ Thùy Anh	28/04/1992	Hà Nội	QB23d1	6.6
187	A16195	Nguyễn Thùy Linh	27/06/1992	Hòa Bình	QB23b1	6.2
188	A16196	Công Ngọc Hà	29/02/1992	Hà Nội	NE23a1	6
189	A16197	Phạm Đức Việt	12/02/1992	Thanh Hóa	QB23g2	6
190	A16198	Nguyễn Anh Tùng	31/08/1992	Hà Tây	QE23d1	6.5
191	A16199	Nguyễn Thị Minh Tân	25/10/1992	Hà Giang	QB23d1	6.6
192	A16200	Vũ Thị Thủy	25/07/1992	Ninh Bình	QA23c1	7
193	A16201	Trần Thu Nga	26/03/1992	Bắc Giang	TI23c1	6.6
194	A16203	Nguyễn Tiến Hòa	31/01/1992	Hà Nội	QB23g2	6.4
195	A16204	Nguyễn Phương Thảo	28/04/1992	Hà Nội	QA23g1	6.4
196	A16205	Dương Thị Thanh Mai	30/06/1992	Hà Nội	QE23d1	6.9
197	A16206	Lê Thị Như Quỳnh	10/11/1992	Yên Bái	QB23d1	6.1
198	A16207	Hoàng Minh Giang	03/11/1991	Hà Tây	QE23d1	7.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
199	A16208	Nguyễn Thị Ngọc ánh	25/02/1992	Hà Nội	QA23g1	5.9
200	A16209	Nguyễn Thanh Tú	15/06/1991	Hà Nội	QB23e1	7.2
201	A16210	Nguyễn Trà My	29/10/1992	Hà Nội	QB23d1	6.4
202	A16211	Lại ánh Tuyết	22/02/1992	Hải Dương	QB23c2	6.5
203	A16212	Nguyễn Xuân Anh	12/06/1992	Hà Nội	QB23c2	7.2
204	A16213	Vũ Văn Tuấn	20/02/1992	Hà Tây	QE23e1	6.8
205	A16214	Phạm Thị Hậu	10/02/1992	Hải Dương	QA23g1	6
206	A16215	Nguyễn Anh Minh	05/08/1992	Quảng Ninh	QB23d1	6.9
207	A16216	Lê Thu Hồng	08/11/1992	Hà Nội	QA23c1	6.7
208	A16217	Nguyễn Quế Anh	11/06/1992	Hà Nội	QB23c2	6
209	A16218	Nguyễn Diệu Linh	25/08/1992	Hà Nội	QB23a1	6.1
210	A16219	Bùi Văn Thiệp	04/02/1992	Hà Nội	QB23g2	6.5
211	A16220	Phạm Hoàng Dũng	02/08/1992	Hà Nội	QB23d1	6.6
212	A16221	Phạm Thị Thanh Hoa	30/06/1991	Thái Bình	QB23g2	7.3
213	A16222	Lại Viết Thắng	16/03/1992	Nam Định	QA23e1	6.6
214	A16223	Mai Anh Thu	20/01/1992	Hà Nội	QA23c1	7.4
215	A16224	Trần Thị Mai Anh	24/03/1992	Hà Tây	QA23g1	6.9
216	A16225	Phạm Ngọc Huyền	15/05/1992	Hà Nội	QB23e1	6.1
217	A16226	Ngô Thị Ngọc Diệp	05/11/1992	Hà Nội	QB23a1	6.9
218	A16227	Đỗ Hoàng Hiệp	22/11/1992	Hà Nội	QB23d1	7.2
219	A16228	Nguyễn Tuấn Nghĩa	07/11/1992	Hà Nội	QB23e1	6.8
220	A16230	Phạm Hữu Sang	16/05/1992	Hà Nội	QB23c2	6.6
221	A16231	Nguyễn Thị Hảo	17/04/1991	Hà Nội	QA23e1	6
222	A16235	Bùi Thị Hồng Hạnh	12/08/1991	Hà Nam	QA23a1	7
223	A16236	Đào Thị Ngân	19/01/1992	Hà Tây	QB23c2	6.6
224	A16237	Lã Thị Hoa	02/03/1992	Hà Nội	QB23b1	6.8
225	A16238	Hoàng Thị Kim Ứng	30/06/1992	Nam Định	QB23g2	6
226	A16239	Nguyễn Minh Đức	19/07/1992	Thanh Hóa	QE23g1	5.9
227	A16241	Phạm Thu Giang	21/07/1992	Hà Nội	QB23d1	7.5

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
228	A16242	Nguyễn Trọng Chính	09/12/1991	Thái Nguyên	QB23d1	6.9
229	A16243	Đào Thành Nam	11/10/1992	Quảng Ninh	QB23g2	6.3
230	A16244	Nguyễn Hải Tùng	28/08/1992	Hà Nội	QB23e1	6.9
231	A16245	Nguyễn Việt Hằng	28/04/1992	Hải Dương	QA23c1	6.9
232	A16246	Nguyễn Phương Linh	14/10/1992	Hà Nội	QB23g2	6.3
233	A16247	Vương Thị Kiều Anh	03/10/1992	Hà Nội	QA23c1	6.5
234	A16248	Vũ Thị Lan Thanh	11/01/1992	Hà Nội	QB23c2	5.9
235	A16250	Phạm Duy An	29/04/1992	Hà Tây	QB23c2	7.1
236	A16251	Vũ Anh Thư	09/11/1992	Hà Nội	NE23a1	6.9
237	A16252	Hoàng Thuỳ Vân	25/11/1992	Hà Nội	QB23a1	6.4
238	A16253	Trần Thu Hà	02/08/1992	Hà Nội	QB23c2	7.2
239	A16255	Nguyễn Phương Anh	18/11/1992	Hà Nội	QB23e1	7
240	A16256	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/02/1992	Hà Tây	QA23b1	5.8
241	A16257	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	04/04/1992	Hà Nội	QA23e1	6.5
242	A16258	Phùng Thị Hoa	18/06/1991	Hà Tây	QA23c1	6
243	A16260	Nguyễn Phương Thanh	14/06/1991	Hải Dương	QB23c2	6.8
244	A16262	Đỗ Nguyệt Minh	13/12/1992	Hà Nội	QE23d1	6.4
245	A16263	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/02/1992	Hà Tây	QB23a1	6.1
246	A16264	Nguyễn Thị Xuyên	24/03/1991	Hà Tây	QA23e1	6.3
247	A16265	Phạm Bích Phương	11/07/1992	Quảng Ninh	QA23d1	6.7
248	A16266	Đỗ Hiếu Tùng	22/03/1992	Hà Nội	QE23a1	6.3
249	A16267	Bùi Thị Bích Ngọc	12/10/1992	Ninh Bình	QA23g1	6.4
250	A16268	Trần Thị Huệ	25/08/1992	Vĩnh Phúc	QA23e1	7.4
251	A16270	Khiếu Thanh Hằng	04/11/1992	Quảng Ninh	QA23g1	6.9
252	A16271	Trần Diệu Linh	03/10/1992	Hà Nội	QB23b1	6.1
253	A16274	Hà Mai Trang	02/06/1992	Hà Nội	QA23b1	6.3
254	A16277	Lê Thu Hà	02/04/1992	Hà Nội	QB23c2	6.4
255	A16280	Đình Thúy Quỳnh	05/11/1992	Cao Bằng	SP23c1	6.4
256	A16281	Lê Thu Trang	07/09/1992	Hà Nội	QB23c2	6.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
257	A16282	Hoàng Hồng Ngọc	16/11/1992	Lào Cai	QB23e1	7.8
258	A16283	Hoàng Thị Thu Hiền	28/03/1992	Hung Yên	QA23e1	6.8
259	A16284	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/02/1992	Hà Tây	QB23c2	6
260	A16285	Chu Thị Phương	18/08/1992	Hà Tây	QA23c1	6.8
261	A16286	Phạm Thị Hà Phương	03/05/1992	Hà Nội	QB23g2	5.7
262	A16287	Nguyễn Thị Nguyệt	15/09/1992	Hà Tây	QE23a1	6.7
263	A16288	Lương Ngọc Mai	26/09/1992	Hà Nội	QB23c2	6.5
264	A16289	Nguyễn Trà My	17/10/1992	Hà Tây	QA23c1	6
265	A16290	Đặng Thu Trang	21/12/1992	Quảng Ninh	QB23e1	6.3
266	A16292	Nguyễn Quỳnh Anh	23/09/1992	Hà Nội	NE23a1	6.6
267	A16293	Lê Thị Thu Hà	25/10/1992	Thái Nguyên	QB23c2	6.8
268	A16294	Nguyễn Thông Trung	18/11/1992	Hà Tây	QB23g2	6.8
269	A16295	Trần Thu Trang	30/07/1992	Hà Nội	QB23c2	5.8
270	A16297	Trần Hải Vân	30/12/1991	Hà Nội	QB23c2	7
271	A16298	Nguyễn Thị Lệ Thu	31/03/1992	Nam Định	QB23e1	6.4
272	A16299	Nguyễn Thu Trang	28/07/1992	Hà Nội	QB23g2	6.5
273	A16300	Nguyễn Lan Anh	28/06/1992	Bắc Ninh	SP23c1	6.3
274	A16301	Đặng Thị Tuyết Mai	25/02/1992	Hà Tây	QB23c2	6.9
275	A16303	Nguyễn Ngọc Đức	18/06/1992	Hà Nội	QB23c2	6.3
276	A16304	Nguyễn Tố Uyên	17/08/1992	Hà Nội	QB23c2	5.8
277	A16305	Phùng Nhật Linh	20/10/1992	Hòa Bình	QB23d1	6.1
278	A16306	Nguyễn Quốc Việt	06/10/1992	Hung Yên	QE23g1	6.2
279	A16307	Nguyễn Thị Kiều Trinh	19/02/1993	Tuyên Quan	QA23g1	6.9
280	A16308	Phạm Đức Huân	25/03/1992	Hòa Bình	QB23d1	6.4
281	A16309	Nguyễn Thuý Hiền	05/05/1992	Hà Nội	QB23b1	7
282	A16310	Hà Phương Hòa	28/04/1992	Hà Nội	QB23c2	6
283	A16312	Đào Thị Thuý Vân	24/06/1992	Ninh Bình	TC23e1	6
284	A16313	Lương Minh Phương	12/02/1992	Bắc Ninh	QB23c2	6.2
285	A16314	Nguyễn Trà My	01/07/1992	Hà Nội	QA23b1	7

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
286	A16315	Quản Thị Minh Phương	31/07/1991	Nam Định	QB23e1	6.3
287	A16316	Bùi Thanh Tùng	29/09/1992	Hà Nội	QB23g2	6.6
288	A16317	Nguyễn Thị Hạnh Hoa	25/07/1992	Hà Nội	QB23c2	6.5
289	A16318	Trần Thu Trang	10/05/1992	Hòa Bình	QB23e1	6
290	A16319	Bùi Thế Anh	28/08/1992	Quảng Ninh	QB23e1	7
291	A16320	Vương Thu Hường	23/05/1992	Hà Nội	QB23b1	6.8
292	A16321	Đặng Thanh Tùng	06/12/1992	Hà Nội	TI23g1	6.3
293	A16324	Đoàn Ngọc Đạt	30/10/1992	Hà Nội	QB23d1	7
294	A16325	Trần Hải Lý	25/02/1991	Ninh Bình	NE23a1	6
295	A16326	Ngô Thị Nguyệt	25/08/1992	Bắc Ninh	QB23g2	7.1
296	A16327	Lê Minh Đức	13/07/1992	Thanh Hóa	QB23g2	6.6
297	A16328	Chu Thị Thu Hà	30/10/1992	Hà Nội	QB23c2	6
298	A16329	Nguyễn Thị Hà	02/01/1992	Bắc Ninh	QB23b1	6.4
299	A16331	Vũ Thị Ngọc Anh	06/12/1992	Hà Nội	QB23c2	7.1
300	A16332	Đình Thị Ngọc Anh	17/09/1992	Nghệ An	QB23e1	7
301	A16333	Nguyễn Ngọc Diệp	14/03/1992	Hung Yên	QA23g1	6
302	A16334	Trịnh Thị Việt Hà	25/05/1992	Thanh Hóa	QA23g1	6.6
303	A16336	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/07/1992	Hà Nội	QB23g2	5.9
304	A16337	Lưu Thị Hà	07/05/1992	Bắc Ninh	QB23b1	7
305	A16338	Đỗ Hồng Loan	16/11/1992	Bắc Ninh	QA23g1	6
306	A16339	Vũ Thị Hải Anh	10/11/1991	Hà Nội	QA23c1	6.2
307	A16340	Nguyễn Thị An Giang	05/12/1992	Hà Nội	QB23e1	6.2
308	A16341	Nguyễn Thị Mai Hương	02/11/1992	Hà Tây	QB23g2	6
309	A16342	Nguyễn Mỹ Hạnh	20/02/1992	Quảng Ninh	QB23g2	7.9
310	A16344	Nguyễn Kim Oanh	14/03/1992	Hà Nội	QA23g1	6.6
311	A16345	Phạm Thị Minh Phương	20/11/1992	Hải Dương	QA23g1	6.4
312	A16346	Tạ Thị Vân Anh	17/08/1992	Hà Nội	QA23d1	6.2
313	A16347	Nguyễn Thị Hà Dương	27/07/1992	Hà Tây	QB23e1	6.5
314	A16348	Nguyễn Anh Duy	01/09/1992	Hà Nội	QB23d2	6.5

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
315	A16350	Nguyễn Linh Chi	11/08/1992	Hà Nội	QE23c1	6.8
316	A16351	Vũ Mạnh Hoài	07/10/1991	Bắc Ninh	SN23g1	6.9
317	A16352	Phạm Kim Ngọc	12/01/1991	Hà Nội	QB23g2	6.9
318	A16353	Đặng Phương Thảo	20/05/1992	Hà Tây	QB23a1	5.8
319	A16354	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/09/1992	Hà Nội	QB23c2	7.8
320	A16355	Nguyễn Phi Thăng	23/10/1992	Hà Nội	QB23c2	6.7
321	A16356	Nguyễn Thùy Dung	07/01/1992	Hà Nội	NJ23g1	7
322	A16357	Nguyễn Thị Nhung	27/01/1992	Hà Tây	QB23e4	6.6
323	A16358	Lê Xuân Đức	09/03/1992	Hà Nội	QB23g2	6.9
324	A16359	Hoàng Thị Kim Dung	19/05/1992	Nam Định	QA23c1	7
325	A16360	Đặng Duy Long	17/10/1992	Hà Nội	QB23c2	6.8
326	A16361	Nguyễn Thu Trà	19/11/1992	Hà Nội	QA23c1	6.1
327	A16362	Dương Thùy Ngân	23/03/1992	Hà Nội	QB23d1	5.9
328	A16363	Nguyễn Mỹ Hạnh	08/07/1991	Hà Nội	QB23a1	6.2
329	A16364	Nguyễn Thị Lan Hương	07/01/1992	Hà Nội	QB23e1	6.5
330	A16366	Lê Thị Việt An	15/03/1992	Hà Tây	QA23g1	6.5
331	A16367	Phạm Thùy Dương	10/10/1992	Hưng Yên	QB23b1	6.1
332	A16369	Mai Phương Ly	22/06/1992	Hà Nội	QB23g2	6.8
333	A16370	Trần Thị Lan Anh	17/05/1992	Hà Tây	QB23d1	7.3
334	A16372	Lê Tuấn Dương	29/08/1992	Hà Nội	QB23d1	6.3
335	A16373	Trần Thị Phương Huyền	22/09/1992	Hà Nội	QB23g2	6.5
336	A16374	Trần Tuấn Vũ	20/07/1992	Hà Nội	QE23g1	6.1
337	A16375	Vũ Lê Trang Nhi	19/08/1992	Bắc Ninh	QB23c2	6.5
338	A16376	Tạ Thị Hải	04/07/1992	Hà Tây	QE23a1	6.4
339	A16378	Triệu Vũ Quân Vương	16/02/1992	Quảng Ninh	QB23c2	7
340	A16379	Võ Hồng Nhung	04/11/1992	Hà Nội	QB23b1	7.5
341	A16380	Hà Sĩ Đạt	28/08/1992	Hà Nội	QB23c2	6.4
342	A16381	Vũ Thị Huyền	19/09/1991	Thái Bình	QB23e1	6.4
343	A16382	Trịnh Cẩm Tú	09/08/1992	Hà Nội	QB23c2	7

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
344	A16384	Nguyễn Duy Khanh	05/09/1988	Hà Nội	QB23c3	7
345	A16386	Nguyễn Thu Hiền	27/03/1992	Hà Nội	QB23g2	6.3
346	A16388	Bùi Hoàng Anh	18/01/1992	Hà Nội	QE23d1	6.8
347	A16389	Phạm Thị Thu Thùy	17/07/1991	Thái Bình	QB23c3	6.5
348	A16391	Trần Xuân Thiện	07/03/1992	Nam Định	QE23e1	6.4
349	A16392	Nguyễn Quang Huy	19/01/1992	Hà Nội	QB23c3	6.8
350	A16393	Trần Thanh Huyền	09/06/1992	Hà Nội	QE23g1	6.2
351	A16394	Giang Trà My	09/12/1992	Hà Nội	QB23c3	7.2
352	A16395	Trần Thị Thu Hiền	17/08/1992	Hà Nội	QA23c1	7.4
353	A16396	Phan Thanh Phương	07/03/1991	Hà Tây	QA23d1	6.6
354	A16397	Trần Thị Minh	28/08/1991	Hà Tây	QA23g1	6
355	A16400	Nguyễn Thị Thanh Hà	29/12/1992	Hòa Bình	QB23a1	6.5
356	A16401	Nguyễn Đức Thịnh	01/08/1992	Hà Nội	QB23g2	6.4
357	A16402	Nguyễn Thu Hằng	28/09/1992	Hải Phòng	NE23a1	6.9
358	A16403	Lương Thị ánh Hồng	04/02/1992	Hải Dương	QB23g2	6.7
359	A16404	Phạm Hồng Văn	01/12/1992	Hải Dương	TI23g1	6
360	A16405	Lê Văn Can	12/12/1992	Hà Nội	QB23g2	6.5
361	A16409	Trần Thu Trang	02/08/1992	Hà Nội	QB23a1	6.5
362	A16410	Hoàng Thị Kim Ngân	24/02/1992	Hà Tây	QB23d1	6.6
363	A16411	Trần Thái Sơn	10/02/1992	Hà Nội	QB23b1	7
364	A16412	Đào Nhật Mỹ Linh	24/04/1992	Hà Nội	QB23d1	7
365	A16413	Nguyễn Hưng Hiệp	30/11/1992	Hà Tây	QB23g2	6.5
366	A16414	Nguyễn Phương Linh	05/08/1992	Hà Nội	NE23a1	6.1
367	A16416	Phạm Thị Kiều Trang	17/09/1992	Hà Nội	QA23c2	6.6
368	A16417	Nguyễn Thùy Anh	19/07/1992	Nam Định	QB23e2	6.9
369	A16419	Hoàng Kim Ngân	22/03/1992	Hà Nội	QB23b1	6.7
370	A16421	Đỗ Thuý Nga	01/01/1992	Hà Nội	QA23c2	6.7
371	A16422	Vũ Toàn Trung	21/04/1992	Quảng Ninh	QB23d1	8
372	A16423	Nguyễn Lệ Mỹ	01/01/1993	Hà Nội	QB23a1	6.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
373	A16426	Nguyễn Hoàng Nam	24/11/1992	Hà Nội	QB23g2	6.4
374	A16427	Nguyễn Trọng Đức	16/12/1992	Hà Nội	QB23c3	6
375	A16428	Lâm Thị Vân Anh	06/06/1992	Hà Nội	QB23g2	7.5
376	A16430	Ngô Thị Huyền Trang	25/07/1992	Hà Tây	QB23d1	5.5
377	A16432	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1991	Thái Bình	QA23d1	5.7
378	A16433	Nguyễn Trà My	27/12/1991	Hà Nội	QB23c3	5.5
379	A16435	Nguyễn Thị Lan Phương	02/07/1992	Hà Tây	QB23c3	6.7
380	A16439	Nguyễn Thị Phương Nga	03/08/1991	Hà Nội	QB23d1	6.2
381	A16440	Nguyễn Thu Huyền	27/12/1992	Hà Nội	QA23c2	6.2
382	A16441	Nguyễn Hoài Nam	25/10/1987	Hung Yên	QB23c3	7
383	A16443	Nguyễn Thị Kim Hằng	27/12/1992	Hà Nội	QB23c1	6.1
384	A16444	Vũ Thị Lan	26/11/1992	Hung Yên	QA23c2	6.2
385	A16445	Thạch Phương Dung	11/08/1992	Hà Nội	QB23b1	5.7
386	A16446	Nguyễn Trường Thành	11/12/1992	Hà Nội	QB23c3	6.6
387	A16448	Phạm Thanh Tâm	27/07/1992	Hà Nội	QB23c3	6.7
388	A16450	Nguyễn Đăng Cường	07/11/1992	Bắc Ninh	QE23g1	6.8
389	A16451	Vũ Thuý Nhật	26/09/1992	Hải Dương	QA23g2	6.1
390	A16452	Đào Thanh Hằng	08/06/1992	Hà Nội	QB23c3	5.8
391	A16453	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17/03/1992	Thanh Hóa	NE23a1	6.9
392	A16454	Bùi Thị Hương Thảo	18/04/1992	Quảng Ninh	QB23b1	6.5
393	A16456	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/09/1992	Hải Dương	QA23a1	6.1
394	A16457	Đào Quỳnh Trang	29/06/1992	Hà Nội	QB23c3	5.5
395	A16458	Nguyễn Thị Hạnh Đơn	01/10/1991	Hà Giang	QB23e1	6.5
396	A16461	Trần Nhật Quang	25/03/1992	Hà Nội	QB23b1	7.1
397	A16464	Đào Thị Thu Đảm	20/08/1992	Hà Tây	QB23e1	6
398	A16465	Nguyễn Thị Hoa	17/07/1991	Nghệ An	QB23e1	6.7
399	A16468	Nguyễn Tuấn Vũ	11/09/1992	Hà Nội	QE23c1	6.9
400	A16470	Trần Thanh Huyền	16/06/1991	Hà Nội	QA23c2	7.4
401	A16471	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/04/1992	Hà Nam	QB23c3	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
402	A16473	Bùi Thị Vân Anh	11/02/1992	Hải Dương	QA23g2	6.9
403	A16474	Nghiêm Thanh Nga	10/08/1991	Hà Nội	QA23g2	5.9
404	A16475	Lê Thuý Quỳnh	19/11/1992	Hà Tây	SN23c1	7.1
405	A16476	Phạm Thị Ngọc Anh	01/10/1992	Hà Tây	XV23c1	6.9
406	A16477	Ngô Ngọc Nam	06/11/1992	Hà Nội	QB23g2	6.3
407	A16478	Nguyễn Thị Hằng	03/05/1992	Hà Nội	QA23d1	5.9
408	A16480	Nguyễn Thanh Tùng	21/10/1991	Quảng Ninh	QB23g2	5.9
409	A16481	Trần Thị Thu Huyền	29/02/1992	Hà Nam	QE23c1	5.8
410	A16483	Đỗ Hải Yên	09/06/1991	Hà Nội	QB23c3	6.1
411	A16484	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/08/1992	Thanh Hóa	QB23d1	6.4
412	A16485	Mai Thanh Thanh	23/12/1992	Quảng Ninh	QB23b1	7.1
413	A16486	Trần Thị Minh Hằng	08/03/1992	Hà Nội	QA23b1	6.2
414	A16487	Nguyễn Thị Châu Băng	12/01/1992	Hà Nội	QB23c3	7.1
415	A16488	Đỗ Thị Cẩm Tú	27/10/1992	Hung Yên	QB23c3	6.7
416	A16489	Trần Thị Mai Hương	12/09/1992	Hà Nội	QB23b1	6.9
417	A16490	Nguyễn Thị Trà My	17/08/1992	Hà Nội	QA23e1	6.4
418	A16491	Lê Thanh Mai	14/02/1992	Hà Tây	QB23d1	6
419	A16492	Nguyễn Thị Thuý	10/06/1992	Hà Tây	QE23e1	6.6
420	A16493	Hà Hồng Nhung	02/07/1992	Thanh Hóa	QB23e2	5.5
421	A16494	Hà Thị Bích Hạnh	06/11/1992	Hà Tây	QB23b1	6.1
422	A16496	Trần Thị Ngọc Anh	27/03/1992	Nam Định	QB23d1	6.4
423	A16497	Trần Lan Hà	30/04/1992	Hà Nội	QB23c3	6.4
424	A16498	Phạm Mỹ Hạnh	22/01/1992	Hà Nội	QB23c3	6.3
425	A16500	Nguyễn Bá Hoàng Nam	25/10/1992	Hà Nội	QB23c3	5.5
426	A16501	Dương Văn Tùng	23/01/1992	Hà Nội	QB23g3	6.6
427	A16502	Nguyễn Thu Hà	03/10/1992	Hà Tây	QB23g2	7.1
428	A16503	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	21/05/1992	Hải Dương	QB23c3	6.9
429	A16505	Nguyễn Thị Thu Trang	26/03/1992	Hà Nội	QB23b1	5.9
430	A16506	Đan Thị Lưu Ly	02/03/1991	Hà Nội	QB23d2	5.5

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
431	A16507	Nguyễn Thị Phương Thuý	15/11/1992	Hà Nội	QB23c3	6
432	A16508	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1992	Hải Dương	QB23g3	6
433	A16509	Nghiêm Diệu Linh	30/08/1992	Hà Nội	QB23c3	5.5
434	A16510	Nguyễn Thu Hằng	17/04/1992	Hà Nội	QB23c3	5.4
435	A16512	Đặng Thị Hiền	05/03/1992	Hà Nội	QB23b2	7.1
436	A16513	Phạm Thiên Phương	02/01/1992	Hà Nội	QB23d2	5.6
437	A16514	Lê Phương Liên	16/09/1991	Hà Nội	QA23g2	6.5
438	A16515	Bùi Bảo Châm	10/04/1992	Hà Nội	QB23b2	6.5
439	A16517	Phạm Thị Lan Hương	14/12/1992	Hà Nội	QB23g3	6.1
440	A16519	Phan Kim Tuyền	04/03/1992	Hà Tây	QE23a1	6.2
441	A16520	Nguyễn Diệu Linh	14/11/1992	Hà Nội	QA23e1	5.7
442	A16521	Phạm Ngọc Huân	04/09/1991	Hà Nội	QB23g3	6.4
443	A16522	Đỗ Thị Hồng Nhung	26/10/1992	Hung Yên	QA23c2	6.9
444	A16524	Ngô Thị Hoài Phương	23/02/1991	Quảng Ninh	QA23b1	7.4
445	A16525	Nguyễn Thị Mai	27/10/1992	Hà Tây	QA23e1	6.4
446	A16526	Phạm Ngọc Minh Hằng	28/09/1992	Hà Nội	QB23c3	6.9
447	A16530	Nguyễn Thu Hằng	21/10/1992	Hà Nội	QA23g2	6.3
448	A16531	Nguyễn Thị Huyền Thương	28/02/1992	Thanh Hóa	QB23c3	6.2
449	A16532	Phạm Minh Hải	23/12/1992	Hà Nội	QB23e2	5.9
450	A16533	Nguyễn Thanh Tùng	13/01/1992	Hà Nội	QB23c3	6.2
451	A16534	Nguyễn Thị Tố Quyên	19/03/1992	Hà Nội	QA23c2	6.9
452	A16535	Đỗ Thị Ngọc Nga	13/03/1992	Hà Nội	QB23c3	5.4
453	A16536	Phùng Thu Trang	13/04/1992	Hà Nội	QB23b2	6.2
454	A16537	Nguyễn Minh Hoàng	13/09/1992	Hà Nội	QB23c3	5.9
455	A16538	Lê Thu Nga	21/08/1992	Hà Tây	QB23c3	6.7
456	A16539	Lê Thị Kim Loan	25/08/1992	Hà Nội	QB23g2	6.2
457	A16540	Lê Huyền Trang	15/08/1992	Hà Nội	QB23g3	6
458	A16541	Nguyễn Tuấn Anh	31/12/1992	Thanh Hóa	QA23g2	6.1
459	A16542	Diêm Thị Linh Trang	18/05/1992	Bắc Giang	QB23g3	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
460	A16546	Phùng Đức Huy	24/02/1992	Hà Nội	NE23a1	6.9
461	A16547	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	06/05/1992	Hà Tây	QA23d1	6.1
462	A16548	Văn Cẩm Tú	21/06/1992	Hà Nội	QA23c2	7.2
463	A16550	Nguyễn Phương Linh	24/05/1992	Hà Nội	QB23d2	7.1
464	A16551	Nguyễn Thị Phương Thúy	17/08/1992	Hà Tây	QB23b2	6.7
465	A16553	Trần Quang Huy	06/07/1992	Hà Nội	TI23g1	6.5
466	A16555	Vũ Thu Hương	16/04/1991	Hà Nội	QE23a1	6.6
467	A16556	Nguyễn Hồng Hậu	14/06/1992	Hà Tây	QB23e2	5.8
468	A16557	Vũ Văn Thủy	26/04/1992	Bắc Ninh	QA23g2	6.8
469	A16559	Nguyễn Thị Hồng Anh	05/03/1992	Hà Nội	QB23c3	6.6
470	A16560	Hà Thị Hiền	29/02/1992	Vĩnh Phúc	QB23e2	6.1
471	A16563	Nguyễn Thị Thu Trang	31/08/1992	Hà Tây	QB23a1	5.8
472	A16564	Trần Thị Vân Trang	15/11/1992	Hải Dương	QE23b1	6
473	A16565	Nguyễn Thanh Hằng	20/05/1992	Hải Dương	QB23c4	7
474	A16567	Trần Minh Hiệp	03/10/1992	Thái Bình	QB23d2	6.6
475	A16568	Nguyễn Công Thành	15/02/1991	Hà Tây	QE23g1	5.8
476	A16569	Lê Thuỳ Ly	02/01/1992	Hà Nội	QB23c4	5.3
477	A16570	Tạ Văn Bình	08/04/1992	Hà Nội	TI23e1	7.1
478	A16571	Nguyễn Thuý Nga	20/04/1992	Hà Nội	QB23b2	6.6
479	A16572	Phạm Bích Ngọc	05/04/1992	Hà Nội	QB23c4	6.8
480	A16574	Nguyễn Hoài Thu	13/05/1992	Hà Nội	QA23b1	6.2
481	A16576	Phạm Hoàng Linh	28/08/1992	Hòa Bình	QB23e2	5.5
482	A16577	Đặng Quang Vũ	22/12/1992	Hà Nội	QB23d2	6
483	A16578	Trần Hữu Quý	02/01/1992	Nam Định	QB23g4	6.7
484	A16579	Nhữ Tuyết Mai	21/04/1991	Hà Nội	QB23b2	5.8
485	A16580	Hoàng Phương Anh	22/12/1992	Hà Tây	QB23g3	6.9
486	A16581	Đặng Thu Trang	28/06/1992	Lào Cai	QA23c2	6.7
487	A16582	Tạ Hữu Huy	19/11/1992	Hà Nội	QB23c4	7.1
488	A16584	Phạm Đăng Quang	01/10/1992	Hà Nội	QE23c1	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
489	A16585	Lê Thanh Tùng	23/08/1992	Hà Nội	QB23c4	6.1
490	A16586	Đông Thị Thu Huyền	25/03/1992	Lào Cai	QB23g3	6.1
491	A16589	Bùi Xuân Hải	28/07/1992	Hà Nội	QB23c4	5.8
492	A16590	Phạm Hoàng Hải Yến	18/11/1992	Quảng Ninh	QB23e2	6
493	A16591	Lê Minh Đức	19/09/1992	Hà Nội	XW23d1	6.2
494	A16592	Nguyễn Hải Tú	08/10/1992	Lào Cai	QB23c4	5.9
495	A16593	Sa La My	27/12/1992	Hà Nội	QB23d2	5.8
496	A16594	Nguyễn Minh Ngọc	23/09/1992	Hà Nội	QB23g1	7.3
497	A16595	Nguyễn Thu Huyền	17/08/1992	Hà Nội	QA23c2	7.5
498	A16598	Nguyễn Đức Việt	31/05/1992	Hà Nội	QB23g3	6.5
499	A16599	Nguyễn Phương Dung	07/01/1992	Hà Nội	QB23c4	5.8
500	A16600	Đỗ Hằng Nga	16/04/1992	Hà Nội	QB23d2	5.5
501	A16602	Đỗ Quỳnh Trang	09/10/1992	Bắc Giang	QB23g3	6.8
502	A16603	Trương Quỳnh Anh	28/04/1992	Hà Nội	QB23b2	6.9
503	A16604	Nguyễn Thị Hà Ly	07/12/1992	Hà Tây	QA23c2	7.4
504	A16605	Nguyễn Mai Thu	01/10/1992	Hà Nội	SP23g1	5.7
505	A16606	Nguyễn Thị Huyền	06/08/1992	Hải Dương	QA23g2	6.5
506	A16607	Nguyễn Thị Thu Hoài	15/12/1992	Quảng Ninh	QB23g3	7.2
507	A16608	Nguyễn Đức Dương	04/11/1991	Hà Nội	QB23c4	6.3
508	A16609	Nguyễn Đức Thắng	02/01/1992	Hà Nội	QE23c1	7
509	A16610	Trịnh Thị Xuân Thu	11/12/1992	Hà Nội	QE23g1	6.2
510	A16611	Nguyễn Tiến Lâm	10/09/1992	Hà Nội	QB23d2	6.1
511	A16612	Trần Thị Phương Thảo	10/11/1992	Hà Nội	SN23d1	7
512	A16613	Bùi Hữu Huy	26/04/1990	Hà Tây	QB23g3	6.1
513	A16614	Tuấn Thu Hà	20/03/1992	Hà Nội	QB23b2	6.6
514	A16616	Bùi Thị Thu Hoài	15/12/1992	Nam Định	QA23e1	6
515	A16619	Trần Trung Hiếu	15/05/1991	Hòa Bình	QB23d2	6.4
516	A16620	Võ Thị Phương Mai	22/05/1991	Hà Tây	SN23g1	6.7
517	A16621	Nguyễn Đình Thành	30/09/1992	Hà Nội	QB23g10	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
518	A16623	Phạm Thị Như Hoa	09/05/1992	Hà Nội	QA23c2	6.3
519	A16624	Vũ Thanh Tùng	14/09/1992	Hà Nội	SP23c1	6.2
520	A16625	Bùi Phương Anh	12/11/1992	Hà Nội	QA23c2	6.5
521	A16627	Phạm Thị Tú Anh	12/07/1992	Nghệ An	QB23g3	6.3
522	A16628	Nguyễn Tiến Đạt	01/10/1992	Hà Nội	QE23g1	6.4
523	A16629	Lã Thị Ngọc	28/07/1991	Nam Định	QB23c4	6.5
524	A16630	Nguyễn Lê Tuấn Hiệp	23/10/1992	Hà Nội	QB23c4	5.8
525	A16631	Nguyễn Thu Vân Trang	13/09/1992	Hà Nội	QB23c4	6.2
526	A16632	Nguyễn Thành Trang	05/01/1992	Hà Nội	XV23c1	5.7
527	A16633	Phan Thị Nguyệt	01/05/1992	Bắc Ninh	QB23g1	6.8
528	A16634	Hoàng Tùng	01/10/1992	Hà Nội	QB23b2	6.8
529	A16636	Nguyễn Thị Hiền	02/09/1992	Hà Tây	SN23g1	6.4
530	A16637	Lê Thị Kim Oanh	15/05/1992	Hà Nội	QA23g2	6.4
531	A16639	Bùi Thị Thu Hiền	09/11/1991	Hà Nam	QH23d1	6.4
532	A16640	Phạm Hiền Trang	04/11/1992	Hà Nội	NE23a1	6.3
533	A16641	Nguyễn Trà My	23/10/1992	Hà Nội	QB23c4	7.1
534	A16643	Nghiêm Như Ngọc	10/06/1992	Hà Nội	QB23d2	6.9
535	A16644	Nguyễn Việt Dũng	04/05/1992	Lào Cai	QB23c4	6.6
536	A16645	Nguyễn Mai Phương	29/12/1992	Hà Nội	QB23d2	7
537	A16646	Kim Huyền Trang	15/02/1992	Vĩnh Phúc	QB23d2	6.2
538	A16647	Trương Bích Ngọc	22/09/1992	Hải Dương	QB23e2	6.7
539	A16648	Nguyễn Công Quỳnh Trang	08/12/1992	Hà Nội	QA23c2	6.2
540	A16649	Nguyễn Phương Ly	29/08/1992	Hà Nội	QB23b2	6
541	A16650	Nguyễn Trung Kiên	09/03/1992	Hà Nội	QB23g3	6.8
542	A16651	Ngô Quỳnh Loan	25/02/1992	Hà Nội	QA23c2	6.5
543	A16652	Nguyễn Thị Mai	26/02/1992	Hà Nội	QA23c2	6.8
544	A16653	Phùng Thị Dung	27/02/1992	Hà Tây	QB23a1	6.7
545	A16654	Phan Mạnh Cường	22/11/1992	Hà Nội	QB23g3	6.3
546	A16655	Hồ Phương Nam	10/09/1992	Hà Nội	QB23e2	6.6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
547	A16656	Nguyễn Minh Thắng	01/05/1991	Hải Dương	QB23d2	6.6
548	A16657	Hoàng Thị Tú Anh	12/11/1992	Hà Nội	QB23e2	6.3
549	A16659	Phạm Việt Anh	05/09/1992	Hà Nội	QB23c4	7.1
550	A16660	Nguyễn Diệu Thuần	06/12/1992	Quảng Ninh	QA23b1	7.5
551	A16664	Nguyễn Thanh Tùng	29/01/1992	Hà Nội	QB23g3	5.9
552	A16665	Phan Kim Hương	28/01/1992	Phú Thọ	QE23c1	7.1
553	A16666	Nguyễn Kim Tùng	15/10/1992	Phú Thọ	QA23g2	5.8
554	A16667	Dương Bảo Hà	29/11/1992	Hà Tây	QB23c4	6.6
555	A16668	Mai Loan	23/01/1992	Thanh Hóa	QB23g3	6.5
556	A16669	Nguyễn Công Hoàn	11/02/1992	Hà Nội	NE23a1	6.3
557	A16670	Phạm Thị Vân Anh	08/08/1992	Yên Bái	QB23c4	6.3
558	A16671	Lê Anh Tuấn	23/02/1992	Thanh Hóa	QA23g2	6.5
559	A16672	Nguyễn Bá Biển	15/09/1992	Hà Nội	QB23d2	6.2
560	A16673	Hồ Thị Vân	14/01/1991	Hải Dương	QA23g2	6.9
561	A16674	Ngô Đức Duy	01/01/1992	Hà Nội	QB23c4	6.2
562	A16675	Vũ Hoàng Điệp	05/09/1992	Quảng Ninh	QB23a1	6.6
563	A16676	Trịnh Thị Trang	01/09/1992	Bắc Ninh	QB23g3	5.9
564	A16677	Vũ Thị Quỳnh Anh	07/11/1992	Quảng Ninh	QB23c4	6.2
565	A16679	Quách Thuý Nga	15/06/1992	Hà Nội	QB23c4	6.4
566	A16680	Lê Phương Việt Linh	01/01/1992	Phú Thọ	QB23b2	6.6
567	A16681	Nguyễn Việt Dũng	08/07/1992	Hà Nội	QB23a1	6.4
568	A16682	Nguyễn Phùng Hưng	18/04/1992	Hà Tây	QA23d2	7.3
569	A16683	Nguyễn Hữu Trường	18/10/1992	Hà Nội	QB23c4	6.2
570	A16684	Vũ Tiên Hồng	02/07/1992	Hà Nội	QB23c4	6.3
571	A16685	Trần Thu Trang	12/07/1991	Hải Dương	QB23c4	6.5
572	A16686	Nguyễn Việt An	19/07/1992	Nghệ An	QB23e2	6.6
573	A16687	Phùng Thị Thu Hà	11/10/1991	Hà Tây	QA23d1	6.5
574	A16690	Trần Hà Ly	10/01/1992	Hà Nội	QB23d2	7.1
575	A16691	Lê Ngọc Dung	30/01/1992	Hà Nội	QB23d2	6.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
576	A16692	Nguyễn Tú Anh	13/08/1992	Hà Nội	QB23d2	6.3
577	A16694	Nguyễn Thị Thúy Nga	28/09/1992	Quảng Ninh	XW23g1	6.4
578	A16696	Trương Quang Minh	17/09/1992	Hà Nội	QB23c3	5.3
579	A16697	Nguyễn Thanh Hà	16/08/1992	Hà Nội	QB23c4	6.6
580	A16699	Đỗ Phương Phương	31/07/1992	Quảng Ninh	QB23b2	6
581	A16700	Nghiêm Nhật Uyên	23/08/1992	Quảng Ninh	QB23e2	6.6
582	A16701	Nguyễn Thành Đạt	02/01/1993	Hà Nội	QB23d2	6
583	A16702	Trần Thị Nga	22/10/1992	Hà Nội	QE23g1	6.5
584	A16704	Trần Thị Thuỳ Linh	26/07/1992	Quảng Ninh	QB23e2	6.4
585	A16705	Nguyễn Thị Châm	09/03/1992	Hà Nội	QB23g3	6.5
586	A16706	Phan Kim Chi	27/09/1991	Hà Nội	QB23c4	7.1
587	A16707	Lê Thị Hồng Minh	16/05/1992	Hà Nội	QB23g3	5.8
588	A16708	Nguyễn Trọng Sang	28/10/1992	Hà Tây	QB23d2	6.8
589	A16709	Nguyễn Sơn Lâm	06/11/1992	Hà Nội	QH23c1	5.7
590	A16710	Ngô Phi Hùng	27/02/1993	Hà Nội	XW23c1	6.2
591	A16711	Lương Thị Thuỳ Dương	12/09/1991	Hưng Yên	QB23g3	6.8
592	A16713	Nguyễn Anh Tuấn	28/04/1992	Hà Nội	QB23g3	6.3
593	A16716	Trịnh Lan Phương	17/02/1992	Hà Nội	QA23c4	6.7
594	A16717	Trần Hoàng Diễm My	04/12/1992	Hà Nội	QB23c4	6.7
595	A16718	Đỗ Đức Quân	23/11/1992	Hà Nội	QA23d1	6.7
596	A16721	Phạm Thu Giang	14/09/1992	Hà Nội	QB23c4	5.5
597	A16722	Nguyễn Thế Anh	03/05/1992	Hà Nội	QB23e2	6.4
598	A16723	Nguyễn Thanh Huyền	23/11/1992	Hà Nội	QB23b2	6.9
599	A16724	Đỗ Thanh Tùng	30/05/1992	Hà Nam	QE23g1	6.6
600	A16725	Hoàng Thanh Hằng	12/12/1991	Hà Nội	QB23c4	6.4
601	A16726	Nguyễn Thị Lạc Hồng	26/04/1992	Hòa Bình	SP23g1	7
602	A16727	Thạch Thanh Duy	28/08/1992	Hà Nội	QA23c2	5.9
603	A16728	Nguyễn Phương Anh	01/12/1992	Hà Nội	QA23c2	6
604	A16729	Nguyễn Thị Huế	25/12/1992	Bắc Ninh	QA23c2	6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
605	A16730	Hoàng Phương Oanh	16/03/1992	Hải Dương	QB23g3	6.3
606	A16731	Nguyễn Thành Trung	08/04/1992	Hà Nội	QB23g3	5.7
607	A16732	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/09/1991	Hung Yên	QB23d2	7.2
608	A16733	Ngô Thị Huyền Trang	20/11/1992	Hà Nội	QE23c2	6.8
609	A16734	Phạm Thị Thu Hải	07/04/1989	Hà Nội	QB23c4	5.9
610	A16735	Trần Hoài Phương	18/12/1992	Hà Nội	QB23d2	6.1
611	A16736	Nguyễn Trung Hiếu	11/10/1992	Hà Nội	QB23a1	6.9
612	A16737	Dương Thị Hồng Lĩnh	25/02/1992	Phú Thọ	QB23c4	6.6
613	A16738	Lương Thu Hương	03/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
614	A16741	Lê Thị Hương	20/05/1991	Thanh Hóa	QB23e2	6.5
615	A16742	Trần Bảo An	29/06/1992	Hà Nội	QB23b2	5.8
616	A16743	Vũ Thành Trí	24/12/1992	Hà Nội	QB23g1	5.5
617	A16745	Hồ Thanh Phương	15/01/1992	Hà Nội	QB23e2	6
618	A16746	Đoàn Phương Anh	12/09/1992	Bắc Giang	QB23e2	6.8
619	A16747	Đình Ngọc Tú	20/07/1989	Lai Châu	QB23g3	5.9
620	A16748	Phạm Minh Nhật	26/08/1992	Hà Nội	QB23c4	7.5
621	A16749	Tạ Bảo Trung	03/03/1992	Hà Nội	QA23e1	6
622	A16750	Phạm Anh Duy	13/01/1992	Hà Nội	QB23c4	5.9
623	A16753	Nguyễn Thị Diệu Hương	13/02/1992	Hà Tây	QA23c2	6.4
624	A16754	Nguyễn Thị Thanh Vân	24/09/1991	Hà Nội	QB23d2	6.2
625	A16755	Nguyễn Thị Hằng	21/09/1992	Hà Nội	QA23c2	6.6
626	A16757	Đỗ Thanh Hằng	22/04/1992	Hà Nội	NE23a1	6.5
627	A16758	Nguyễn Thu Hà	04/11/1991	Hà Nội	QB23g3	6.7
628	A16759	Nguyễn Quang Vinh	23/02/1992	Hà Tây	QB23g3	6.7
629	A16760	Vũ Thị Lệ	08/02/1991	Nghệ An	QB23c5	6.9
630	A16761	Nguyễn Thị Huyền	05/03/1992	Hà Tây	QB23d2	5.5
631	A16762	Nguyễn Đức Mạnh	27/09/1991	Hà Nội	QB23d2	6.3
632	A16764	Phạm Quang Huy	18/04/1992	Hà Nội	QB23c5	5.8
633	A16765	Phạm Thị Ân	10/01/1992	Hải Phòng	QB23g3	6.6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
634	A16766	Nguyễn Thị ánh Hồng	13/04/1992	Thanh Hóa	QB23e2	6.3
635	A16767	Trần Tuấn Nam	27/06/1992	Hà Nội	QB23g3	6.2
636	A16769	Chu Huy Minh	12/02/1992	Hà Nội	QB23e2	6.6
637	A16770	Phạm Thanh Thúy	25/11/1992	Hà Nội	QE23c1	6.6
638	A16772	Nguyễn Thiên Trang	05/11/1992	Hà Nội	QA23g3	6.5
639	A16773	Trần Hải Hoàng	06/01/1992	Hà Tây	QB23c5	7.5
640	A16776	Nguyễn Minh Hương	25/04/1992	Hà Nội	QB23c5	6.4
641	A16777	Nguyễn Thị Thuý	21/02/1992	Hà Tây	QB23g4	7
642	A16778	Đặng Thị Thu Thủy	30/05/1992	Hà Tây	QB23e2	6.8
643	A16779	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08/08/1991	Nghệ An	QB23g4	6.8
644	A16780	Nguyễn Thị Kiều Anh	06/10/1992	Hà Nội	QA23g2	6.5
645	A16783	Nguyễn Vũ Hà My	06/10/1992	Hà Tây	QA23g2	6.5
646	A16786	Nguyễn Thị Lan Anh	02/09/1992	Tuyên Quan	QB23e3	6.5
647	A16787	Nguyễn Ngọc Diệp	28/12/1992	Hà Nội	QB23g4	6.9
648	A16788	Phạm Vĩnh An	17/06/1992	Nam Định	TI23c1	7
649	A16789	Đào Thị Huế	12/04/1991	Thanh Hóa	QB23g4	7
650	A16790	Nguyễn Thị Lan Hương	19/09/1991	Lào Cai	QE23e1	6
651	A16791	Nguyễn Hồng Nhung	21/04/1992	Hà Nội	QB23c5	6.6
652	A16794	Nguyễn Ngọc Tuyền	28/02/1991	Hưng Yên	QB23g4	5.5
653	A16795	Nguyễn Duy Tiệp	30/01/1992	Hà Nội	TI23g1	6.2
654	A16796	Bùi Thị Hoa	25/12/1992	Hà Nam	QA23g2	7.1
655	A16798	Phạm Thanh Tùng	22/02/1992	Hà Nội	QB23c5	6.4
656	A16799	ứng Huyền Phương	27/05/1992	Hà Nội	QE23c1	5.9
657	A16800	Vũ Ngọc Anh	01/03/1992	Hải Phòng	QB23g4	6.6
658	A16801	Phùng Thanh Hằng	09/06/1992	Hà Nội	QB23c5	6.5
659	A16802	Ngô Hồng Hoa	18/09/1991	Hà Nội	QE23g1	5.9
660	A16803	Bùi Văn Hiệp	05/08/1992	Hải Dương	QA23e1	6.5
661	A16805	Nguyễn Thị Hà Anh	01/01/1992	Hà Nội	QE23c1	5.7
662	A16807	Đỗ Thị Bích Ngọc	26/08/1992	Hà Nội	QB23c5	6.8

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
663	A16808	Nguyễn Thùy Dương	12/01/1992	Hà Tây	QB23a1	6.7
664	A16809	Nông Văn Thắng	15/12/1992	Cao Bằng	SN23g1	6.5
665	A16810	Đỗ Thị Mai	02/09/1992	Thanh Hóa	QB23d2	7.5
666	A16813	Đình Công Duy	02/11/1992	Hà Tây	QB23g4	6.1
667	A16814	Nguyễn Trọng Thanh	06/04/1992	Hà Nội	QA23c1	7.7
668	A16815	Cao Quỳnh Hoa	24/01/1992	Hà Nội	QB23g4	6.9
669	A16816	Nguyễn Thị Diệu Huyền	09/01/1992	Hà Nội	QE23b1	6.7
670	A16817	Lê Phương Dung	24/09/1992	Hà Nội	QB23a1	6.1
671	A16818	Nguyễn Quốc Đại	26/06/1992	Bắc Giang	QB23e2	6.7
672	A16819	Nguyễn Văn Hiệp	08/06/1991	Hà Nội	QE23d1	7.7
673	A16820	Bùi Thị Thu Hà	03/05/1992	Hà Nội	QA23d1	6.9
674	A16821	Nguyễn Thị Thu Hương	19/05/1992	Hải Dương	QB23g2	6.5
675	A16822	Bùi Lan Anh	01/01/1992	Hà Nội	QA23c2	6.2
676	A16823	Lê Thuý Nga	21/06/1992	Hà Nội	QA23g2	6.4
677	A16824	Nguyễn Thị Tuyết Mai	30/10/1992	Hà Tây	QA23c2	7.5
678	A16825	Phạm Hoàng Quân	30/09/1992	Hà Nội	QB23g4	6
679	A16826	Đặng Hồng Giang	16/07/1992	Hà Tây	QB23c5	7.2
680	A16827	Trần Tiến Đoàn	02/08/1990	Nam Định	QB23g4	5.4
681	A16828	Trần Linh Chi	22/08/1992	Hà Nội	QB23b2	6.8
682	A16829	Vương Thanh Tùng	31/10/1992	Bắc Giang	QB23g3	6.2
683	A16830	Lê Tuấn Anh	16/08/1992	Hà Tây	QE23g1	6
684	A16831	Nguyễn Thanh Hoa	27/08/1992	Hà Nội	QB23d2	6.2
685	A16832	Nguyễn Thu Hà	06/09/1992	Hà Nội	QA23d1	7.6
686	A16833	Nguyễn Lê Lợi	10/05/1992	Hà Nội	TI23g1	6.5
687	A16834	Nguyễn Thị Thanh Vân	19/01/1992	Hà Nội	QB23c5	6.9
688	A16836	Vũ Thị Hồng Nhung	06/11/1991	Khánh Hòa	QB23c5	7.1
689	A16837	Lưu Bách Hoàng	11/04/1992	Hà Nội	TI23c1	6
690	A16838	Ngô Thị Vân	07/07/1991	Nam Định	QE23g1	6.4
691	A16842	Nguyễn Huyền Trang	02/10/1992	Hà Tây	QB23e2	5.8

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
692	A16844	Lê Kiều Anh	21/10/1992	Hà Nam	QA23c2	7
693	A16845	Phạm Thủy Tiên	16/08/1992	Hà Nội	QB23a1	6.5
694	A16846	Bạch Hồng Nhung	07/10/1991	Hà Tây	QB23c5	7
695	A16847	Ngô Thuỳ Dung	23/02/1992	Hà Nội	QA23c2	6.2
696	A16848	Phạm Thị Thùy Linh	24/06/1991	Hà Nội	QB23d2	6.4
697	A16850	Nguyễn Thùy Linh	06/12/1991	Hà Nội	QB23g4	6.2
698	A16852	Phan Thị Phương	16/07/1992	Hà Tây	QB23e2	6.7
699	A16853	Nguyễn Phương Dung	05/01/1992	Hà Nội	QB23e2	6.2
700	A16854	Lù Minh Huyền	14/08/1992	Tuyên Quan	QB23e2	6.4
701	A16855	Nguyễn Thị Phương Anh	09/10/1992	Bắc Ninh	QA23b1	6.2
702	A16856	Nguyễn Linh Giang	13/03/1992	Hà Nội	QA23c3	6.1
703	A16857	Nguyễn Mạnh Vũ	11/12/1992	Phú Thọ	QB23g4	6.1
704	A16858	Nguyễn Mai Trang	20/01/1992	Hà Nội	QB23c5	5.9
705	A16859	Nguyễn Anh Tuấn	24/08/1992	Hà Nội	QB23c5	6.7
706	A16861	Vũ Hoàng Mai Linh	10/09/1991	Hà Nội	QB23a1	7.2
707	A16862	Trần Khánh Linh	09/12/1992	Hà Nội	QB23c5	6
708	A16863	Nguyễn Cẩm Tú	06/04/1992	Hà Nội	QB23c5	6.4
709	A16864	Đỗ Huy Toàn	17/12/1991	Bắc Giang	QB23g4	6.2
710	A16865	Tăng Ngọc Anh	09/12/1992	Lào Cai	QB23a1	6.7
711	A16866	Vũ Thị Linh	15/09/1992	Tuyên Quan	QB23g4	7.1
712	A16867	Đào Ngọc Lan	12/04/1992	Hà Nội	QB23c5	7.1
713	A16868	Nguyễn Bảo Ngọc	31/07/1992	Hà Nội	QB23a1	6.9
714	A16869	Nguyễn Thị Thu	01/12/1991	Thanh Hóa	QA23e1	6.7
715	A16870	Nguyễn Thu Trang	06/05/1992	Hà Nội	QB23b2	6.4
716	A16871	Mai Khánh Ly	26/03/1992	Sơn La	QA23g2	6.6
717	A16872	Đào Thị Nga	20/08/1992	Hưng Yên	QA23e1	7.7
718	A16873	Trần Thị Thu Trang	02/04/1992	Quảng Ninh	XW23g1	7.7
719	A16874	Nguyễn Hương Mai	16/11/1992	Quảng Ninh	QB23c5	6.4
720	A16875	Hoàng Hải Yến	07/01/1992	Hà Nội	QB23g4	6.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
721	A16877	Nguyễn Lê Trang	04/02/1992	Hà Nội	QB23b2	6
722	A16878	Đặng Quốc Khải	26/07/1992	Hải Dương	QB23c5	7.3
723	A16879	Trần Văn Hưởng	10/11/1991	Hà Nội	QA23c3	7.2
724	A16880	Phương Hồng Loan	14/02/1992	Hà Nội	QA23b1	6.5
725	A16881	Lê Trung Đức	26/12/1992	Hà Nội	NE23a1	7
726	A16882	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/06/1992	Ninh Bình	QB23c5	6.2
727	A16883	Nguyễn Thị Hường	24/07/1992	Hà Nội	QB23c5	7.1
728	A16884	Nguyễn Thị Trang Lương	12/09/1992	Nghệ An	QB23c5	6.2
729	A16885	Trần Thị Lan	17/05/1992	Hà Tây	QB23c5	7
730	A16887	Hà Ngọc Anh	16/10/1992	Hà Nội	QA23b1	6
731	A16888	Ngô Phương Thúy	19/06/1992	Hà Nội	QB23c5	6.5
732	A16889	Vũ Đình Huy	24/05/1992	Bắc Giang	QB23c5	7.1
733	A16891	Lê Thị Mai Phương	11/09/1992	Hải Dương	QB23e2	6.3
734	A16892	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	05/12/1991	Hà Nội	QB23g4	6.6
735	A16893	Hoàng Thị Thu	01/10/1992	Nam Định	QA23e1	6
736	A16894	Nguyễn Ngọc Huyền	04/12/1992	Hà Nội	QB23b2	6.7
737	A16895	Nguyễn Hoàng Nam	11/10/1992	Hà Nội	QB23c5	6.5
738	A16896	Lê Thu Hà	17/03/1992	Hà Nội	QA23g2	6.4
739	A16897	Nguyễn Huyền Trang	14/10/1992	Hà Tây	QB23c5	6.5
740	A16899	Ngô Thị Phương Anh	24/10/1992	Hà Nội	QA23e1	6.8
741	A16900	Lê Thị Hương	17/01/1991	Hà Nội	QB23g4	6.2
742	A16901	Phạm Mai Trang	02/09/1992	Hưng Yên	QB23g4	7
743	A16902	Phan Văn Dương	08/01/1992	Hà Tây	QB23g4	6.6
744	A16903	Đỗ Đức Thịnh	24/04/1991	Hà Nội	QB23c5	6.6
745	A16904	Nguyễn Thành Luân	18/03/1992	Hà Tây	QB23g4	6.6
746	A16905	Vũ Thị Trà My	14/12/1992	Hà Nội	QA23b1	5.8
747	A16910	Nguyễn Tuấn Anh	11/04/1992	Hà Tây	QB23b2	6.4
748	A16911	Nguyễn Thị Hào	08/11/1991	Hà Nội	SN23e1	6.3
749	A16912	Trần Thị Ngọc Anh	14/10/1992	Hà Nội	QA23g2	6.8

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
750	A16913	Nguyễn Văn Tình	01/11/1992	Hà Nội	QB23e2	6.6
751	A16914	Nguyễn Khánh Linh	02/12/1992	Thái Nguyên	QB23c5	6.7
752	A16916	Nguyễn Thế Vũ	18/05/1992	Hà Nội	QB23c5	6.3
753	A16917	Ngô Thị Thanh Hiếu	17/03/1992	Hà Nam	QB23c5	6.4
754	A16919	Nguyễn Ngọc Diệp	25/02/1991	Hà Nội	NE23a1	6.7
755	A16920	Đình Thanh Huyền	02/09/1992	Hà Nội	QB23b2	6.6
756	A16921	Thạch Diệu Linh	02/01/1990	Hà Nội	QB23b2	6.9
757	A16924	Nguyễn Tuyết Nhung	13/11/1992	Hà Nội	QB23c5	6.4
758	A16925	Hoàng Ngọc Hồng	01/08/1992	Hà Nội	QB23c5	7.6
759	A16926	Trần Hoài Nam	03/07/1992	Hà Nội	QB23c5	6.1
760	A16927	Nguyễn Thị Thu Trang	24/07/1992	Hải Dương	QB23c5	7.5
761	A16928	Đỗ Văn Toàn	09/06/1992	Hà Tây	QB23g4	6.2
762	A16929	Trần Thị Như Trang	12/08/1992	Gia Lai	QB23c5	5.8
763	A16930	Đồng Thủy Tiên	22/01/1992	Hà Nội	QB23a1	6.2
764	A16933	Nguyễn Thùy Dung	15/07/1992	Hà Nội	QA23g2	6
765	A16934	Dương Hồng Liên	11/06/1992	Hà Nội	QA23c3	7.4
766	A16935	Vạn Thanh Hà	03/08/1992	Hà Nội	QB23d2	6
767	A16936	Mai Sỹ Bình	19/08/1991	Thanh Hóa	QA23g2	5.9
768	A16938	Đào Tố Uyên	07/10/1992	Hà Nội	QA23c3	7.2
769	A16939	Trần Thuý ánh	17/09/1992	Quảng Ninh	QE23b1	6.6
770	A16940	Trần Trung Hà	09/02/1992	Hà Nội	QB23g4	6.3
771	A16942	Bùi Tuấn Anh	03/07/1992	Hải Dương	QE23c1	6
772	A16943	Đặng Vũ Minh	09/06/1992	Hà Nội	QB23c6	6.2
773	A16944	Vũ Duy Khánh	22/10/1992	Hà Tây	QB23c6	6
774	A16945	Nguyễn Hồng Nhung	31/12/1992	Hà Nội	QB23c6	6.7
775	A16946	Vũ Anh Dũng	06/10/1991	Hà Nội	QE23c2	6
776	A16947	Lê Trung Kiên	30/04/1992	Phú Thọ	QB23g4	5.5
777	A16949	Tô Kiều Trang	08/08/1992	Hà Tây	QB23c6	6.3
778	A16953	Đỗ Văn Hiệu	16/09/1992	Nam Định	QE23c1	7.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
779	A16954	Phạm Tuyết Nhung	30/03/1992	Hà Nội	QB23a1	6.9
780	A16955	Nguyễn Thị Hằng	19/09/1992	Hà Tây	QA23c3	6.4
781	A16956	Nguyễn Ngọc Quang	05/02/1992	Hà Nội	QB23d2	6.2
782	A16957	Đặng Thu Hương	31/10/1992	Hà Nội	QA23c3	6.2
783	A16958	Trần Anh Tuấn	05/03/1992	Hà Nội	QA23g2	6.3
784	A16959	Hoàng Bích Hà	27/10/1992	Hà Nội	QB23b2	6.6
785	A16960	Nguyễn Thu Hằng	23/05/1992	Hà Tây	QA23e1	6.8
786	A16961	Nguyễn Thanh Giang	15/05/1992	Hà Nội	QA23d1	6.5
787	A16962	Bùi Thanh Sơn	02/01/1992	Hà Nội	QB23b2	7
788	A16963	Dương Thuý Nga	03/08/1992	Bắc Giang	QB23c6	6
789	A16964	Đặng Việt Thắng	19/08/1989	Hòa Bình	QA23g3	6.1
790	A16965	Nguyễn Thị Loan	17/03/1992	Hà Tây	QE23c1	8.2
791	A16966	Tô Thị Kim Anh	24/06/1992	Hà Tây	QB23g4	6.4
792	A16968	Nguyễn Văn Nam	18/09/1991	Hà Nội	QB23g4	5.9
793	A16969	Nguyễn Thu Trà	01/11/1992	Hà Nội	QB23g4	6.3
794	A16970	Ngô Ngọc Tuấn	16/01/1992	Hà Nội	QB23g4	5.9
795	A16971	Đình Thuỳ Trang	06/10/1992	Hà Nội	SN23e1	6
796	A16973	Nguyễn Mạnh Tùng	26/03/1992	Hải Dương	QB23g5	5.8
797	A16975	Hoàng Bình Dương	11/06/1992	Hà Nội	QB23e1	6.5
798	A16976	Phan Đăng Tài	13/05/1992	Hà Nội	QB23c6	6.3
799	A16978	Hà Sơn Tùng	13/10/1992	Hà Nội	QB23b2	6.1
800	A16979	Lê Thị Kim Oanh	19/11/1992	Thanh Hóa	NE23a1	5.8
801	A16980	Nguyễn Lê Giang	22/12/1992	Hà Nội	QA23c3	6.5
802	A16982	Phùng Thế Trọng	15/07/1992	Hà Tây	TI23g1	6.7
803	A16985	Nguyễn Thị Phương	26/10/1992	Hà Tây	QA23g3	5.8
804	A16986	Nguyễn Thị Huyền	29/09/1991	Hà Nam	QA23g3	7.2
805	A16987	Nguyễn Như Trang	25/12/1992	Hà Nội	QA23c3	7.2
806	A16988	Lê Hương Giang	31/12/1992	Hà Nội	QA23c3	6.2
807	A16989	Đặng Thị Thùy Linh	16/07/1992	Hà Nội	QA23c3	6.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
808	A16990	Dương Hoàng Thế Hiển	27/05/1992	Hà Nội	QA23g3	6
809	A16993	Nguyễn Minh Châu	04/07/1992	Hà Nội	QB23c6	5.9
810	A16994	Bùi Thị Bảo Yến	19/08/1992	Quảng Ninh	QB23b1	6.8
811	A16995	Phạm Thị Phương Anh	18/09/1992	Hải Dương	QB23c6	6.2
812	A16996	Hà Hồng Nhung	28/01/1992	Hà Nội	QA23c3	6.9
813	A16997	Vũ Hoài Phương	04/12/1992	Thái Nguyên	QA23a1	5.8
814	A16998	Nguyễn Hải Nam	25/10/1992	Hà Nội	QE23b1	5.8
815	A16999	Lê Anh Vũ	10/12/1992	Hà Nội	QA23c3	6.3
816	A17002	Đào Thị Huyền	28/05/1991	Hà Nội	QB23c6	5
817	A17003	Lâm Bảo Ngọc	23/08/1992	Hà Nội	QB23c6	6.2
818	A17004	Nguyễn Thị Phương Thanh	09/02/1991	Hà Nội	QA23b1	7.2
819	A17005	Nguyễn Duy Tuấn	09/11/1992	Hà Nội	QE23c1	7
820	A17006	Ngô Minh Đức	04/03/1991	Hà Nội	QB23c6	6
821	A17008	Nguyễn Thị Ngọc Ly	16/05/1992	Hà Nội	QB23b2	6.4
822	A17009	Dương Hải Nam	09/04/1990	Bắc Giang	QB23g5	5.5
823	A17010	Nguyễn Thị Thanh	30/09/1992	Hà Tây	QB23g5	5.3
824	A17011	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	14/08/1992	Hà Nội	QE23c2	6
825	A17015	Nguyễn Lan Anh	08/05/1992	Hà Nội	QB23c6	5.9
826	A17016	Tô Thị Huyền Trang	08/09/1992	Thái Bình	QB23g5	6
827	A17018	Phạm Cẩm Chi	20/05/1993	Hải Dương	QB23c6	5.5
828	A17019	Nguyễn Xuân Quang	06/11/1992	Hà Tây	QB23g5	5.7
829	A17022	Đinh Thị Bảo Yến	06/02/1992	Nghệ An	QB23e2	6.6
830	A17023	Vũ Phương Linh	29/10/1992	Hà Nội	NE23a1	6.5
831	A17026	Vũ Bích Trâm	15/09/1992	Quảng Ninh	QB23d2	7.1
832	A17027	Hồ ánh Nguyệt	28/11/1991	Nghệ An	QB23c6	6.5
833	A17029	Nguyễn Thanh Lam	19/01/1992	Hà Tây	QB23c6	7.2
834	A17030	Nguyễn Ngọc Hoa	27/02/1991	Hà Nội	QH23c1	7
835	A17033	Kim Quang Huy	30/04/1991	Hà Nội	QH23g1	6.3
836	A17034	Lý Hoàng Long	15/08/1991	Hà Nội	QB23d2	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
837	A17035	Đỗ Văn Mạnh	08/11/1991	Hà Nội	QB23g5	5.8
838	A17036	Nguyễn Hà Oanh	14/08/1991	Phú Thọ	QB23c6	6.5
839	A17037	Nguyễn Thị Kim Liên	10/10/1992	Hà Nội	QB23b2	7
840	A17038	Lê Minh Tuấn	09/06/1991	Thanh Hóa	QB23g1	6.7
841	A17039	Đặng Thị Kim Oanh	15/04/1992	Hà Nội	QA23b1	6.9
842	A17041	Ngô Thị Mai Hương	06/01/1992	Hà Nội	QB23c6	7.1
843	A17042	Lương Như Ngọc	19/09/1992	Hà Nội	QA23c3	7.3
844	A17043	Trần Mai Phương	03/08/1992	Hà Nội	QA23c3	6.8
845	A17044	Nguyễn Tùng Lâm	04/10/1992	Yên Bái	XW23g1	7.2
846	A17045	Nguyễn Thanh Huyền	05/02/1992	Hà Nội	QB23d2	6.2
847	A17046	Vũ Tiến Việt	21/08/1992	Hà Tây	QB23g5	6.8
848	A17047	Trần Minh Thu	26/09/1992	Hà Nội	QH23d1	6.2
849	A17048	Nguyễn Thị Lan Anh	14/12/1992	Lào Cai	QB23e2	6.5
850	A17049	Phạm Thuý Nga	31/05/1991	Hà Nội	QA23c3	5.4
851	A17050	Nguyễn Minh Thảo	23/09/1991	Hà Nội	QA23c3	6.4
852	A17051	Phạm Trọng Khánh	02/09/1986	Nam Định	QB23g5	6.2
853	A17052	Phạm Thị Thanh Hảo	19/08/1992	Hà Nội	QB23c6	5.7
854	A17053	Hoàng Phương Thảo	03/12/1992	Hà Tây	QB23a1	6.9
855	A17054	Nguyễn Hương Giang	26/07/1992	Hà Nội	QB23c6	6.6
856	A17056	Bùi Thu Thủy	20/08/1992	Hà Nội	QB23a1	6.7
857	A17057	Bạch Quỳnh Trang	12/01/1991	Hà Nội	QE23e1	6.2
858	A17058	Phạm Anh Phương	03/09/1992	Hà Nội	QB23c6	7
859	A17059	Cao Thùy Linh	08/11/1992	Hưng Yên	QB23d2	6.4
860	A17060	Đỗ Minh Hạnh	29/11/1992	Hà Nội	QB23b2	7.5
861	A17061	Lê Phúc Lộc	19/05/1992	Hà Nội	QB23c6	6.2
862	A17062	Đặng Quốc Khánh	02/12/1992	Hà Nội	QB23e2	5.7
863	A17063	Nguyễn Quốc Hùng	25/10/1992	Hà Nội	QB23g5	5.4
864	A17064	Tổng Thị Hồng Cẩm	03/02/1992	Hà Nội	QA23b1	6.9
865	A17066	Nguyễn Anh Tú	08/01/1992	Hà Nội	TI23d1	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
866	A17067	Nguyễn Quý Dương	16/12/1992	Hà Nội	QB23a1	5.8
867	A17068	Lại Đặng Hương Giang	26/01/1992	Hà Nội	QB23g5	5.3
868	A17069	Hoàng Thanh Tùng	12/01/1990	Hà Tây	QB23g5	5.8
869	A17070	Nguyễn Thị Oanh	03/02/1991	Bắc Giang	QB23e2	6.3
870	A17071	Nguyễn Thúy Ngân	26/01/1992	Hà Nội	QB23a1	6
871	A17072	Nguyễn Thị Phương Anh	22/12/1992	Hà Nội	QB23d3	6.1
872	A17073	Vũ Thanh Lam	14/03/1992	Hà Nội	QB23d3	6.7
873	A17076	Trần Diễm Vân	16/04/1992	Hà Nội	QB23e2	6.7
874	A17077	Nguyễn Tường Minh	15/09/1992	Hà Nội	QB23a1	5.3
875	A17078	Nguyễn Thị Phương Dung	29/06/1992	Hà Nội	QA23c3	6.5
876	A17079	Lê Thị Hồng Nhung	06/07/1991	Ninh Bình	QB23g5	5.8
877	A17080	Trần Hồng Dung	08/03/1992	Hà Nội	QB23c6	5.8
878	A17081	Phạm Thị Thơm	02/09/1990	Hải Dương	QA23g3	6.4
879	A17082	Tạ Thùy Linh	09/03/1992	Hà Nội	QB23c6	6.1
880	A17083	Phạm Minh Quang	05/11/1992	Thái Bình	QA23g3	6
881	A17084	Nguyễn Việt Đức	17/12/1992	Hà Nội	QB23c6	6.6
882	A17085	Nguyễn Thị Hằng	27/10/1991	Hà Tây	QB23g5	7
883	A17086	Nguyễn Thị Đỏ	05/10/1992	Thái Bình	SN23g1	5.9
884	A17087	Lê Thu Nguyệt	03/05/1991	Hà Nội	QB23d3	6.1
885	A17089	Nguyễn Thu Thảo	25/10/1992	Hà Nội	QB23g5	6.1
886	A17090	Vũ Thị Bưởi	11/04/1992	Thái Bình	SN23g1	6.5
887	A17093	Hoàng Quang Đông	21/03/1992	Hà Nội	QB23b2	6.3
888	A17094	Phùng Tuấn Long	09/08/1992	Hà Nội	SN23e1	6.6
889	A17096	Đặng Minh Phương	07/06/1992	Hà Nội	QB23c6	6.2
890	A17097	Nguyễn Việt Mùi	19/02/1991	Hà Tây	QE23g1	6.9
891	A17098	Lê Minh Thành	16/09/1992	Hà Nội	XW23c1	5.8
892	A17100	Nguyễn Huy Phúc	17/07/1991	Quảng Ninh	TI23g1	6.6
893	A17102	Nguyễn Thị Lan	09/08/1992	Bắc Giang	QB23g5	6.5
894	A17104	Lê Hồng Mạnh	22/11/1992	Vĩnh Phúc	QB23g5	7.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
895	A17105	Lê Thị Thuỳ	04/03/1992	Hà Nội	SN23e1	6.5
896	A17106	Nguyễn Thị Hường	07/05/1991	Hà Nội	QB23e2	6
897	A17107	Nguyễn Hồng Loan	08/09/1992	Hà Nội	QB23d4	5.7
898	A17108	Hoàng Bảo Tùng	24/03/1992	Hà Nội	QB23c6	6.1
899	A17109	Trần Diễm Hạnh	15/01/1991	Hà Nội	QE23a1	6
900	A17110	Ngô Quang Hùng	02/05/1992	Hà Nội	TI23g1	7.1
901	A17111	Nguyễn Thị Kim Chi	25/12/1992	Hà Nội	QB23a2	6
902	A17112	Hoàng Anh	27/08/1992	Hà Nội	QB23g5	6.5
903	A17113	Hoàng Thị Lan Phương	19/02/1992	Hà Nội	QB23c6	6.3
904	A17114	Hoàng Văn Dương	01/05/1992	Hải Dương	TI23g1	6.5
905	A17115	Lưu Đình Hưng	20/10/1992	Hà Tây	QB23a2	6.4
906	A17116	Hà Thị Thanh Nhân	04/02/1992	Hà Nội	QE23c2	5.9
907	A17117	Bùi Trung Hiếu	24/07/1992	Hà Nội	NE23a1	6.1
908	A17118	Nguyễn Thị Khuyên	19/08/1991	Hòa Bình	QB23c6	6.5
909	A17120	Nguyễn Thu Phương	05/11/1992	Hà Nội	QA23c1	6.7
910	A17121	Lã Thị Mai	05/02/1992	Hà Tây	QA23g3	6.5
911	A17122	Bùi Trung Hiếu	24/07/1992	Thanh Hóa	QA23g3	6.4
912	A17125	Nguyễn Anh Quang	25/01/1992	Hà Nội	QA23c3	6.7
913	A17126	Nguyễn Thị Vân	13/01/1991	Hà Nội	QA23g3	6.5
914	A17128	Dương Diệu Linh	06/01/1992	Hà Nội	NE23a1	6.7
915	A17129	Nguyễn Bách Chiến	18/10/1991	Hà Nội	QB23c6	6.3
916	A17130	Đỗ Thị Hòa	24/01/1992	Hà Nội	QB23e2	6.1
917	A17131	Cao Phương Nam	12/11/1991	Phú Thọ	QA23g3	5.9
918	A17132	Vũ Thị Quỳnh Anh	11/09/1992	Hà Nội	QA23c3	6.3
919	A17133	Nguyễn Thuỳ Chi	25/06/1992	Hà Nội	QA23c3	6.6
920	A17134	Phan Ngọc Anh	24/01/1992	Hà Nội	QB23c6	5.7
921	A17135	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	17/03/1991	Hà Nội	QB23c6	6.1
922	A17136	Lê Thị Thu Hiền	12/01/1992	Hà Nội	QB23c6	6.4
923	A17137	Phạm Thị Anh Thư	04/10/1992	Hà Nội	QB23c6	5.8

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
924	A17138	Nguyễn Ngọc Hương	12/01/1992	Hà Nội	QB23g5	7.2
925	A17140	Nguyễn Thị Tú Anh	30/04/1991	Hà Nội	QA23c3	6.9
926	A17143	Nguyễn Thị Hương Mai	16/05/1992	Hà Nội	QA23e2	6.5
927	A17146	Vũ Thị Hồng My	02/08/1992	Hà Nội	QA23g1	6.9
928	A17147	Nguyễn Thị Dương	24/12/1992	Bắc Giang	QB23g5	5.5
929	A17148	Đình Chí Thành	30/06/1991	Hà Nội	QB23g5	6.5
930	A17149	Tạ Thị Uyên	07/07/1992	Bắc Giang	QA23g3	6.9
931	A17150	Trương Kim Anh	01/05/1992	Hà Nội	QB23g5	6.9
932	A17151	Đào Kim Phú	16/09/1991	Hưng Yên	SP23e1	6
933	A17152	Đỗ Thanh Tùng	26/10/1992	Hà Nội	QB23d3	7.4
934	A17154	Bùi Thuỳ Anh	10/03/1992	Hà Nội	QB23e2	6.9
935	A17155	Phạm Quang Giang	19/12/1992	Quảng Ninh	QB23e2	6
936	A17156	Nguyễn Lan Phương	15/08/1992	Hà Nội	QB23b2	6.4
937	A17157	Đặng Thị Chí	02/07/1992	Hà Tây	QB23e2	6.5
938	A17158	Trần Văn Phiên	24/03/1992	Hà Nội	QB23g1	6.3
939	A17159	Nguyễn Thành Công	24/11/1992	Hà Nội	QB23g10	5.8
940	A17160	Nguyễn Thị Tiên	28/11/1992	Hà Tây	QB23d3	6.1
941	A17161	Nguyễn Đăng Quân	20/08/1992	Hà Nội	TC23g1	7.3
942	A17162	Nguyễn Thị Huyền	07/08/1991	Thanh Hóa	QB23g5	6.7
943	A17164	Mai Trà My	07/05/1992	Hà Nội	QB23b3	7.1
944	A17166	Nguyễn Thị Ngọc Nương	02/04/1992	Bắc Ninh	QB23g5	6
945	A17167	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/10/1992	Hà Nội	QB23c6	5.8
946	A17168	Dương Thị Minh Trâm	10/10/1992	Bắc Ninh	QB23g5	7.4
947	A17169	Nguyễn Ngọc Liên	08/11/1992	Quảng Ninh	QE23c1	6.4
948	A17170	Trương Thị Hà Phương	11/06/1992	Hà Nội	QB23b3	6.2
949	A17172	Phạm Thuỷ Ngân	04/12/1992	Hà Nội	QE23b1	6
950	A17174	Lê Phương Thu	12/04/1992	Hà Nội	QB23c7	6.7
951	A17175	Dương Diệu Hương	21/06/1992	Hà Nội	QB23b3	6.4
952	A17176	Ngô Thu Thảo	03/12/1992	Hà Nội	QB23c7	6.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
953	A17178	Phạm Ngô Đăng Quân	18/08/1992	Hà Nội	QB23g1	6.3
954	A17179	Tăng Thị Thu Trang	18/11/1992	Hải Dương	QA23g3	6
955	A17181	Trần Thị Hải Yến	11/12/1991	Hà Nam	QB23b3	6.8
956	A17182	Võ Ngọc Ly	27/11/1992	Hà Nội	QB23e3	6.3
957	A17185	Nguyễn Thị Trang	23/06/1992	Hà Nội	QA23c3	6.5
958	A17188	Phạm Trường Giang	08/02/1992	Nam Định	QB23d3	5.8
959	A17189	Nguyễn Phương Thảo	18/05/1992	Bắc Ninh	QB23g5	6.9
960	A17190	Dương Thị Vân Anh	20/09/1991	Hà Nam	QB23a2	6.6
961	A17192	Lê Thu Hà	18/09/1992	Hà Nội	NE23a1	6.4
962	A17193	Lê Thị Thắm	06/10/1992	Hà Nội	QB23g5	5.7
963	A17194	Trần Đức Hiệp	25/06/1991	Hà Nội	QE23c2	6.3
964	A17196	Đỗ Thế Thắng	03/09/1992	Hà Tây	QB23d3	7.3
965	A17197	Mạc Phương Anh	01/09/1992	Hà Nội	QA23c3	7
966	A17198	Vũ Thị Thu Trang	12/06/1992	Hà Nội	QB23c7	7.6
967	A17199	Lương Duy Tùng	28/01/1992	Hà Nội	QB23e3	7.1
968	A17200	Trịnh Tuấn Anh	07/02/1992	Hà Nội	QB23d3	6
969	A17202	Phạm Thị Thu Trang	16/02/1992	Hà Tây	QB23g5	6.9
970	A17205	Phạm Thị Phương	18/10/1992	Hải Phòng	QE23c2	6.9
971	A17206	Nguyễn Việt Tâm	01/12/1991	Thái Nguyên	QB23g1	7.1
972	A17207	Nguyễn Phương Nhung	05/01/1992	Hà Nội	QH23e1	6.7
973	A17209	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/08/1992	Hà Nội	QB23g5	7
974	A17210	Đặng Ngọc Long	02/07/1992	Hà Nội	QB23d3	6.1
975	A17212	Cao Thị Thu Thảo	26/08/1992	Hòa Bình	QA23c3	6.3
976	A17213	Ngô Ngọc Mai	23/10/1992	Hà Nội	QA23d1	6
977	A17214	Nguyễn Mạnh Hùng	01/09/1989	Hòa Bình	QE23d1	6
978	A17217	Nguyễn Thị Mai Phương	13/11/1992	Hà Tây	QB23e3	6
979	A17218	Phạm Kim Nhung	29/07/1992	Hà Nội	QA23g3	7
980	A17220	Lê Thị Hương	12/01/1992	Hà Nội	QA23c3	6.2
981	A17221	Nguyễn Thùy Linh	17/03/1992	Hà Nội	QB23b3	6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
982	A17222	Bùi Duy Nhất	06/05/1991	Thái Bình	QB23g1	6.4
983	A17223	Nguyễn Tất Thành	11/02/1992	Hà Nội	QB23c7	6.5
984	A17225	Bùi Bích Thảo	28/03/1991	Hà Tây	QB23g5	6.1
985	A17227	Nguyễn Ngọc Anh	13/12/1992	Sơn La	QB23c7	7.3
986	A17228	Giang Thị Hải Anh	29/10/1991	Ninh Bình	QB23c7	6.3
987	A17229	Bùi Thị Hiền	07/05/1992	Hà Nội	QA23b1	6.5
988	A17231	Mạc Hòa	24/02/1992	Hà Nội	QB23c7	6.4
989	A17232	Hà Nhật Anh	15/01/1992	Hà Nội	QB23c7	5.9
990	A17234	Lê Thị Hợp	22/07/1992	Hà Tây	QA23g3	7.5
991	A17236	Nguyễn Thị Thùy Trang	27/09/1991	Phú Thọ	XW23g1	6.4
992	A17237	Hoàng Thị Huyền Trang	25/01/1992	Đắc Lắc	QB23d3	6.2
993	A17238	Nguyễn Minh Tuấn	24/04/1992	Hà Nội	QA23c2	6.2
994	A17239	Đặng Thị Dinh	29/05/1990	Hà Nội	QB23g5	6
995	A17240	Trương Thị Khang	10/12/1992	Nghệ An	QB23g5	6.4
996	A17241	Nguyễn Trang Nhung	11/01/1992	Bắc Giang	QE23g2	6.6
997	A17242	Phùng Thị Thuý Nga	25/02/1992	Hà Tây	QB23d3	7.3
998	A17243	Nguyễn Anh Tú	13/01/1992	Hà Nội	QB23d3	7
999	A17244	Dương Bích Phương	11/09/1992	Hà Nội	QB23e3	6.8
1000	A17245	Phan Thị Thanh Tú	15/02/1992	Hà Nội	QB23a2	6.5
1001	A17248	Tạ Thanh Thu	04/10/1992	Hà Tây	QB23g6	6.9
1002	A17249	Nguyễn Quang Minh	20/07/1992	Hà Nội	QB23b3	5.8
1003	A17250	Lê Hải Long	05/05/1992	Hà Nội	QB23c7	6.5
1004	A17251	Đỗ Thị Trà My	25/06/1992	Hà Nội	QB23c7	5.9
1005	A17252	Nguyễn Mai Anh	14/01/1992	Hà Tây	QB23c2	6.4
1006	A17253	Nguyễn Ngọc Ngà	04/01/1992	Quảng Ninh	QA23b1	7.2
1007	A17254	Khuất Thị Thắm	12/02/1992	Hà Tây	NE23a1	6.6
1008	A17255	Bùi Đức Thắng	28/02/1992	Hà Nội	QB23e3	6
1009	A17256	Nguyễn Phương Ly	17/08/1992	Hà Nội	QB23a2	6.6
1010	A17258	Phạm Thị Nhung	07/02/1992	Hà Nội	QB23c7	6.9

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1011	A17259	Trần Đức Minh	07/12/1992	Hà Nội	QB23c7	7
1012	A17260	Vũ Hải Yên	30/05/1992	Hà Nội	QB23c7	6.4
1013	A17261	Nguyễn Bảo Ngọc	03/04/1991	Hà Nội	QB23b3	6.5
1014	A17265	Nguyễn Quỳnh Ngân	09/03/1991	Hà Nội	QB23d3	7.4
1015	A17266	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22/09/1992	Hà Nội	QB23b3	6.6
1016	A17267	Đỗ Thị Loan	09/10/1992	Nam Định	QA23a1	6.8
1017	A17268	Lương Ngọc Hoa	15/11/1992	Yên Bái	QB23g6	6.6
1018	A17269	Nguyễn Hồng Nhung	20/08/1992	Hà Nội	QB23b3	5.8
1019	A17270	Quách Bảo Hạnh	09/02/1992	Hà Nội	QB23a2	7.1
1020	A17271	Trần Ngọc Anh	08/01/1989	Hà Nội	NE23a2	6.4
1021	A17272	Thạch Thị Xuân	07/02/1991	Hà Nội	QB23g6	7.1
1022	A17273	Cao Xuân Tân	08/04/1992	Thanh Hóa	QB23d3	6.6
1023	A17275	Nguyễn Thị Tươi	17/07/1991	Nam Định	QB23g6	7
1024	A17277	Phạm Tiến Đạt	30/08/1992	Hà Nội	QB23g6	6.8
1025	A17278	Nguyễn Quang Hiệp	16/01/1992	Hà Nội	QB23e3	7.3
1026	A17279	Nguyễn Thị Thu Phương	25/02/1991	Quảng Ninh	QA23g3	6.2
1027	A17280	Trần Thùy Linh	27/02/1992	Hà Nội	QB23a2	6.5
1028	A17281	Trần Đình Tiến	21/05/1991	Hà Nội	QE23c2	5.8
1029	A17282	Đỗ Thị Bích Ngọc	03/02/1992	Hà Nội	QB23a2	6.2
1030	A17283	Trần Thị ánh Tuyết	30/05/1991	Hà Nội	QA23g3	6.2
1031	A17284	Tân Thu Hoài	23/12/1991	Phú Thọ	QB23e3	6.5
1032	A17288	Lê Thế Bắc	15/02/1992	Thanh Hóa	QB23g1	6
1033	A17290	Hoàng Hải Trung	18/10/1991	Hà Tây	QB23g4	6.6
1034	A17291	Nguyễn Trung Đức	28/11/1992	Hà Nội	QA23c3	6.5
1035	A17292	Lê Hồng Linh	20/04/1992	Hà Nội	QB23c7	5.6
1036	A17293	Nguyễn Hà My	26/11/1992	Hà Nội	XW23b1	6.6
1037	A17296	Phạm Thị Ngân	11/12/1992	Hà Nội	QA23e2	6.8
1038	A17297	Vũ Ngọc Sơn	18/02/1992	Hà Nội	QB23g6	6.4
1039	A17298	Vũ Minh Thảo	04/09/1992	Hà Nội	QB23b3	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1040	A17300	Khổng Vũ Minh Long	25/05/1992	Hà Nội	QA23c4	5.7
1041	A17301	Nguyễn Hồng Phúc	29/12/1992	Hà Nội	QB23g6	6.1
1042	A17302	Nguyễn Kim Thắng	04/01/1992	Hà Nội	QB23c7	7.4
1043	A17303	Hoàng Văn Cường	11/11/1992	Hà Tây	QB23e3	6.9
1044	A17304	Nguyễn Thị Ngọc	13/09/1992	Thanh Hóa	QB23c7	6.7
1045	A17305	Nguyễn Duy Tùng	20/08/1992	Quảng Ninh	SP23c1	6.5
1046	A17306	Lê Thị Hải Yến	11/12/1992	Thanh Hóa	QA23e2	6.4
1047	A17307	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/08/1991	Hà Nội	QB23b3	5.7
1048	A17308	Lê Ngọc Bích	25/06/1992	Hà Nội	QA23c4	7.5
1049	A17311	Nguyễn Thị Ly	02/11/1992	Hà Nội	QA23c4	6
1050	A17313	Phạm Tuyết Nhung	02/05/1992	Hà Nội	QB23e3	6.6
1051	A17314	Đỗ Thu Hà	10/10/1992	Hà Nội	QA23d1	6.6
1052	A17315	Dương Thị Ngọc ánh	05/07/1992	Hà Nội	QA23c4	6
1053	A17316	Đỗ Lãng	14/03/1988	Hà Tây	QE23g2	7.1
1054	A17317	Ngô Bích Hoa	04/02/1992	Hà Nội	QB23e3	6.5
1055	A17318	Lê Thanh Lâm	27/07/1992	Hà Nội	QE23d1	6.4
1056	A17320	Nguyễn Thu Vân	03/03/1992	Hà Tây	QB23d3	6.4
1057	A17321	Trần Tùng Linh	01/02/1992	Hà Nội	TC23a1	6.5
1058	A17322	Tạ Thị Thu Trang	05/12/1991	Hải Dương	QB23g6	6.6
1059	A17323	Lê Duy Khánh	24/11/1992	Nghệ An	QB23c7	6.1
1060	A17324	Nguyễn Thuỳ Vân	03/03/1992	Hà Tây	QB23d3	6.3
1061	A17325	Trần Thị Quỳnh Anh	03/04/1992	Hà Nội	QB23c7	6.2
1062	A17326	Lê Minh Thắng	26/05/1992	Hoà Bình	QB23g10	5.8
1063	A17327	Bùi Thành Nam	20/12/1992	Hà Tây	QA23c4	6.2
1064	A17329	Đào Minh Phương	02/10/1992	Hà Nội	QA23g3	6.5
1065	A17330	Mai Ngọc Trâm	01/06/1992	Hà Nội	QA23e2	5.9
1066	A17332	Phí Đình Kỳ	11/09/1992	Hà Tây	QB23g6	6.9
1067	A17333	Lương Thị Thanh Mai	09/09/1992	Hà Nội	QB23d3	6.9
1068	A17334	Đình Ngọc Khánh	20/02/1990	Hà Tây	QB23d3	6.6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1069	A17335	Đặng Thị Thúy Ngọc	12/04/1992	Hà Nội	QB23c7	7
1070	A17337	Nguyễn Hoàng Sơn	13/09/1992	Hà Nội	QB23c7	6
1071	A17338	Ngô Thị Thu Hà	14/02/1992	Hà Nội	QA23d1	5.9
1072	A17339	Cao Hà Linh	13/01/1992	Hà Nội	QA23g3	6
1073	A17341	An Thùy Linh	01/09/1992	Hà Nội	QA23d1	6
1074	A17342	Đặng Minh Tuấn	11/09/1991	Hà Nội	QB23g1	6.7
1075	A17343	Hữu Thị Thu Hường	26/04/1992	Hà Tây	QB23c7	6
1076	A17344	Nguyễn Thanh Hiền	23/03/1992	Hà Nội	QA23d1	6.9
1077	A17345	Nguyễn Hương Giang	17/08/1992	Hà Nội	QB23c7	6.4
1078	A17347	Vũ Quốc Bảo	30/05/1990	Hà Nội	QB23d2	6.5
1079	A17348	Nguyễn Thị Liên Huyền	03/05/1992	Hà Nội	QA23d1	6.5
1080	A17349	Tạ Thị Thanh Huyền	18/04/1992	Thái Nguyên	QB23c7	6.7
1081	A17350	Lê Minh Thu	02/06/1992	Hà Nội	QB23e3	5.7
1082	A17352	Vũ Lê Thu Hà	18/04/1992	Bắc Giang	QB23e3	6.6
1083	A17353	Nguyễn Minh Thủy	10/03/1992	Hà Nội	QB23a2	6
1084	A17354	Cung Thị Hương Trà	27/07/1992	Hà Nội	QB23e3	7.1
1085	A17357	Bùi Bích Diệp	28/11/1992	Hà Nội	QB23c7	6.3
1086	A17358	Lê Thu Hà	13/06/1990	Hà Nội	NE23a2	6.4
1087	A17359	Lê Đình Duy	08/07/1992	Hà Nội	QB23g6	7.1
1088	A17360	Nguyễn Thành Long	01/07/1992	Hà Nội	QB23b3	6.1
1089	A17362	Trần Duy Anh	12/05/1992	Hà Nội	QB23e3	5.5
1090	A17363	Đỗ Thị Mai Hiền	10/02/1992	Nam Định	QB23c2	6.7
1091	A17364	Nguyễn Hương Giang	07/11/1992	Hà Nội	QA23c4	6.4
1092	A17365	Trần Anh Tuấn	20/11/1992	Hà Nội	QA23c4	7.4
1093	A17366	Hoàng Thị Thu Trang	28/11/1991	Hà Nội	QB23e3	5.3
1094	A17368	Trịnh Thu Thảo	13/11/1991	Hà Nội	QB23d1	6.1
1095	A17369	Nguyễn Trung Lợi	22/06/1992	Hà Nội	QE23d1	6.8
1096	A17370	Hoàng Diệu Linh	11/04/1992	Hà Nội	QB23c7	7.1
1097	A17375	Đỗ Ngọc Thái	19/01/1992	Hà Tây	QB23g6	6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1098	A17376	Nguyễn Hải Tuyên	27/09/1992	Hà Tây	QB23g6	6.6
1099	A17378	Phạm Thị Bích Ngọc	21/06/1992	Hung Yên	QB23b3	6.7
1100	A17379	Đỗ Chí Bằng	12/01/1992	Hà Nội	QB23c7	6.3
1101	A17380	Phạm Thành Trung	09/11/1992	Hà Nội	QB23e3	6.4
1102	A17382	Lê Thị Anh Trúc	15/04/1991	Hà Nam	QB23d3	5.7
1103	A17383	Phan Huyền Trang	10/09/1992	Hà Nội	QB23e1	6.5
1104	A17386	Hoàng Mạnh Cường	22/01/1991	Hà Nội	QE23c2	6.4
1105	A17388	Ninh Thị Phương Nhung	01/03/1992	Hà Tây	QA23e2	7.1
1106	A17389	Nguyễn Hoàng Đức	11/06/1992	Hà Nội	QB23c7	6.6
1107	A17390	Nguyễn Thị Loan	03/10/1992	Hà Nội	QA23e2	7
1108	A17392	Phạm Thị Nga	20/03/1992	Hải Dương	XV23g1	6.6
1109	A17393	Lê Thị Đào	09/05/1992	Hà Nội	QB23b3	6.4
1110	A17394	Khuong Kiều Trinh	13/12/1992	Hà Nội	QB23c7	6.3
1111	A17395	Trịnh Thu Thảo	15/01/1991	Hà Nội	QB23a2	6.8
1112	A17397	Trịnh Thùy Linh	04/07/1992	Hà Nội	QA23g3	7.2
1113	A17398	Vũ Thị Hồng Thơm	01/10/1992	Bắc Ninh	QB23g6	6.3
1114	A17399	Bùi Phương Hoa	17/05/1992	Hà Nội	QB23c8	6.3
1115	A17400	Nguyễn Tô Đậm	10/02/1992	Thái Bình	QB23e3	6
1116	A17402	Đình Minh Anh	17/10/1992	Hà Nội	SP23a1	6
1117	A17403	Đoàn Hoàng Nam	09/09/1992	Quảng Ninh	QB23e3	6.4
1118	A17404	Đỗ Kiều Oanh	16/08/1992	Hà Nội	QA23b1	6.9
1119	A17406	Trần Anh Hùng	04/06/1992	Hà Tây	QB23c8	6.2
1120	A17409	Nguyễn Văn Long	21/11/1990	Hà Nam	XW23g1	6.3
1121	A17410	Bùi Thị Hoà	01/11/1992	Hà Tây	QB23c8	6.8
1122	A17411	Nguyễn Thị Hà Ly	02/11/1991	Hà Tây	QB23e3	5.9
1123	A17412	Lương Ngọc Huyền	11/05/1991	Thái Bình	QB23c8	6.2
1124	A17413	Nguyễn Thế Anh	20/04/1991	Hà Tây	QB23g6	5.5
1125	A17414	Bùi Hải An	05/06/1992	Hải Dương	QB23g6	6.9
1126	A17416	Bùi Thị Ngọc Hà	25/07/1992	Hung Yên	QA23c4	7.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1127	A17417	Phùng Nguyễn Đại Ngân	17/08/1992	Hà Nội	QA23a1	6.6
1128	A17418	Chu Thị Hải Yến	23/10/1992	Hà Tây	SP23g1	6
1129	A17419	Trương Thị Kiều Thu	28/01/1991	Hà Nội	QA23d1	6
1130	A17420	Vũ Trọng Nghĩa	14/08/1992	Nam Định	TI23e1	6.9
1131	A17421	Nguyễn Thị Yến	20/02/1992	Hà Tây	QB23g6	6.8
1132	A17422	Hoàng Minh Thắng	03/02/1993	Hà Nội	QE23b1	6.8
1133	A17424	Nguyễn Thao Giang	15/10/1992	Hà Nội	QE23e1	6.4
1134	A17425	Nguyễn Thị Mai	24/10/1992	Hà Tây	QA23c4	6.2
1135	A17426	Nguyễn Thị Anh Thư	04/12/1991	Phan Thiết	QB23g6	6.6
1136	A17427	Đỗ Thị Liên	26/08/1992	Hung Yên	QB23g6	7
1137	A17428	Trần Thị Ngọc ánh	10/01/1992	Hà Nội	QB23c8	5.6
1138	A17429	Nguyễn Tú Anh	16/11/1991	Hà Nội	QB23e3	5.7
1139	A17432	Lê Thị Thu Hằng	14/05/1991	Hà Tây	QB23e3	6.2
1140	A17437	Đỗ Thu Huyền	16/11/1991	Hà Nội	QB23d3	5.8
1141	A17438	Lê Hoàng Minh	03/02/1992	Hà Tây	QB23g4	6
1142	A17439	Nguyễn Thị Kim Anh	21/04/1992	Thái Bình	QB23d3	5.5
1143	A17441	Nguyễn Kim Nghĩa	22/01/1991	Bắc Ninh	QE23e1	6.6
1144	A17442	Nguyễn Thị ánh Tuyết	29/05/1991	Bắc Ninh	QB23g6	6
1145	A17443	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03/12/1992	Bắc Ninh	QB23c8	6.5
1146	A17445	Trần Mai Linh	27/03/1992	Hà Nội	QB23b3	6.7
1147	A17447	Vũ Văn Duy	20/02/1992	Nam Định	QB23d3	6.3
1148	A17448	Nguyễn Duy Linh	05/03/1992	Hà Nội	QB23a2	6.3
1149	A17449	Trần Thị Hồng Nhung	12/05/1992	Hà Nội	QB23c8	5.9
1150	A17450	Nguyễn Minh Trang	21/09/1992	Hà Nội	QB23d3	6.3
1151	A17452	Phùng Vũ Thắng	17/04/1992	Hà Nội	QB23g6	6.5
1152	A17453	Nguyễn Hà Thu	07/03/1992	Hà Nội	QB23c8	6.6
1153	A17454	Lưu Ngọc Ly	01/04/1992	Hà Tây	QA23c4	6.1
1154	A17455	Vũ Hồng Ngọc	20/06/1992	Hà Nội	QB23g6	6.3
1155	A17456	Phạm Thu Quỳnh	27/09/1991	Hà Nội	QB23c8	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1156	A17457	Bùi Diệp Linh	10/08/1992	Hà Nội	QB23g6	6.2
1157	A17458	Hoàng Đức Việt	12/06/1992	Hà Nội	TC23e1	5.8
1158	A17459	Bùi Thị Huyền Trang	27/11/1992	Hà Tây	QB23e3	5.9
1159	A17461	Lê Kiều Loan	14/11/1992	Hà Nội	QA23c4	6.2
1160	A17465	Phạm Thị Hạnh Nguyên	17/02/1992	Hà Nội	QB23c8	6.2
1161	A17466	Trần Văn Anh	06/12/1992	Hà Nội	QB23c8	6.6
1162	A17468	Hoàng Thu Trang	18/03/1992	Hà Nội	QA23e2	6.9
1163	A17470	Nguyễn Hương Huyền	04/03/1992	Hà Nội	QA23g3	5.9
1164	A17471	Hồ Hồng Huyền	03/09/1992	Hà Nội	QA23e2	6.1
1165	A17473	Đặng Mai Ly	27/10/1992	Hà Nội	QB23c8	5.9
1166	A17475	Nguyễn Hải Thanh	24/10/1992	Hà Nội	QB23e3	5.7
1167	A17476	Nguyễn Thị Giang	18/08/1992	Hà Tây	QB23g1	6.2
1168	A17477	Nguyễn Thu Thảo	13/08/1992	Hà Nội	QB23d3	5.9
1169	A17478	Nguyễn Hoàng Phương Linh	19/05/1992	Hà Nội	QB23b3	6.6
1170	A17479	Phạm Bích Hương	15/01/1992	Hà Nội	QB23c8	6.3
1171	A17481	Nguyễn Thanh Thủy	24/05/1992	Hà Nội	QB23d3	6.5
1172	A17482	Vương Thị Bích Liên	30/06/1992	Hà Nội	QB23c8	6.1
1173	A17483	Nguyễn Kim Thanh	31/07/1992	Hà Nội	QB23d3	6.5
1174	A17485	Nguyễn Thương Thương	30/03/1992	Hà Nội	QA23d1	6
1175	A17486	Nguyễn Bá Hùng	22/09/1991	Hà Nội	TI23e1	6.9
1176	A17487	Đỗ Đăng Duy	28/10/1992	Hà Nội	QE23c2	6.6
1177	A17488	Đặng Thị Thùy Linh	31/05/1992	Hà Nội	QA23c4	6.6
1178	A17490	Khuất Duy Hoàng Sơn	08/11/1992	Hà Nội	QB23c2	6.5
1179	A17491	Phạm Thị Hải Yến	25/09/1992	Hà Nội	QA23d1	6.4
1180	A17494	Phạm Quang Tiến	31/03/1992	Hà Nội	QB23g6	6.5
1181	A17495	Nguyễn Thị Thanh Nga	16/05/1992	Hà Nội	QB23c8	5.9
1182	A17496	Văn Thúy Nga	30/09/1991	Hà Nội	QA23c4	6.6
1183	A17498	Nguyễn Hoàng Anh	28/03/1992	Hà Nội	QB23b3	6.7
1184	A17501	Nguyễn Hoa Phương	26/09/1992	Hà Nội	QA23d2	6.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1185	A17502	Nguyễn Thanh Huyền	10/06/1992	Hà Nội	QB23c8	6
1186	A17503	Phạm Nguyệt Linh	15/06/1992	Thanh Hóa	QB23g6	5.8
1187	A17507	Phạm Minh Trang	21/06/1991	Hà Nội	QB23a2	6.7
1188	A17508	Trần Hoàng Linh	01/02/1992	Hà Nam	QB23b3	6.6
1189	A17510	Vũ Thị Quỳnh	26/02/1992	Thanh Hóa	QA23g3	6.6
1190	A17512	Đỗ Thị Nguyên An	30/12/1992	Hà Nội	QA23d2	5.7
1191	A17513	Võ Hải An	12/10/1992	Hà Tây	QB23e3	6.9
1192	A17514	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/06/1992	Hà Tây	SP23g1	6.2
1193	A17515	Phạm Thị Hương Liên	08/10/1992	Hà Nội	QB23d3	5.7
1194	A17516	Phạm Quang Sỹ	17/06/1991	Hà Nội	QB23g1	6.7
1195	A17517	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/09/1991	Hà Nội	QB23b3	7
1196	A17518	Nguyễn Tiến Thái	23/08/1991	Hà Nội	QB23g1	7
1197	A17519	Nguyễn Thị Thúy Hiền	20/12/1992	Bắc Ninh	NE23a2	6.2
1198	A17521	Nguyễn Diệp Anh	03/11/1991	Hà Tây	QB23c8	6.1
1199	A17523	Nguyễn Thu Hương	05/01/1992	Hà Nội	QH23g1	6.1
1200	A17525	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	08/11/1992	Hà Nội	QA23g3	6.3
1201	A17527	Đỗ Thanh Lam	27/07/1992	Hà Nội	QB23a2	6.3
1202	A17530	Nguyễn Thuý Ngọc	14/11/1992	Hà Nội	QB23e3	6.6
1203	A17532	Nguyễn Đức Thuận	18/03/1992	Hà Nội	QB23e3	6.8
1204	A17533	Nguyễn Thị Vân Anh	23/04/1992	Hà Nội	QA23g3	6.5
1205	A17535	Đào Hạnh Hương	27/10/1992	Phú Thọ	QB23c8	5.9
1206	A17537	Ngô Minh Thắng	20/02/1992	Hà Nội	QE23c2	6
1207	A17538	Nguyễn Việt Anh	13/12/1992	Hà Nội	QE23b1	7.1
1208	A17539	Nguyễn Thị Kim Anh	04/04/1992	Phú Thọ	QB23b3	5.8
1209	A17540	Phạm Minh Thắng	24/08/1992	Thái Nguyên	QB23c8	6.8
1210	A17542	Nguyễn Việt Anh	17/09/1990	Hà Nội	QB23e3	6.2
1211	A17543	Lê Hà My	05/09/1992	Hà Nội	QB23c8	6.5
1212	A17544	Nguyễn Thị Hoà	16/01/1992	Hải Dương	QA23c4	6.4
1213	A17545	Dương Kim Cúc	03/08/1992	Hà Nội	QB23d3	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1214	A17546	Hoàng Đăng Quang	07/06/1992	Hà Nội	QA23a1	6.3
1215	A17547	Trần Thị Huyền Trang	16/06/1992	Hải Dương	QB23g6	5.8
1216	A17548	Bùi Thanh Ngân	10/04/1991	Hà Nội	QA23c5	6
1217	A17550	Vũ Hương Ly	29/08/1991	Hà Nội	QA23b1	6.1
1218	A17551	Phạm Thu Trang	30/12/1992	Hà Nội	QA23c4	7.4
1219	A17552	Lê Thạch Thảo	23/11/1992	Hải Dương	QA23g3	6.9
1220	A17553	Phạm Hoài Thu	18/08/1992	Hà Nội	QB23c8	5.6
1221	A17554	Phạm Thị Huyền Trang	23/04/1992	Hà Tây	NE23a2	6.3
1222	A17555	Nguyễn Thị Vui	18/01/1992	Hung Yên	QA23d2	6.3
1223	A17559	Đình Diệu Linh	06/03/1992	Vĩnh Phúc	QB23d3	6.4
1224	A17560	Đỗ Thị Thu Hà	17/08/1992	Thanh Hóa	QA23g3	6.2
1225	A17561	Vũ Hồng Nhung	07/07/1991	Hà Nội	QB23c8	6.9
1226	A17563	Phạm Thị Thùy Linh	11/02/1991	Hà Nội	QE23e1	6.5
1227	A17567	Lê Thu Quỳnh	05/03/1992	Hà Tây	QB23g6	6.4
1228	A17568	Trần Thị Tuyết Nhung	23/12/1992	Hà Nội	QB23c8	5.9
1229	A17570	Vương Thu Phương	06/10/1992	Hà Nội	QE23b1	6.1
1230	A17572	Phạm Linh Hương	23/02/1992	Hà Nội	QB23d3	5.9
1231	A17573	Phạm Đức Dương	01/04/1992	Quảng Ninh	QB23g6	6
1232	A17575	Nguyễn Tất Lâm	20/08/1991	Hà Tây	QE23c2	6.1
1233	A17576	Nguyễn Thị Minh Huyền	25/07/1992	Yên Bái	QB23g6	6.8
1234	A17577	Phan Thị Vân	06/08/1992	Nghệ An	QB23c8	6
1235	A17578	Cao Văn Việt	10/12/1992	Hà Nội	TC23d1	6.4
1236	A17579	Nguyễn Hồng Linh	30/12/1991	Hà Tây	QB23g6	6.7
1237	A17581	Bùi Tài Tuệ	10/03/1992	Hà Nội	QA23g3	7
1238	A17582	Đình Thị Mai Trang	19/09/1991	Hà Tây	NE23a2	6.3
1239	A17583	Lưu Thị Hoài Linh	22/07/1991	Hà Nội	QB23c8	6.5
1240	A17584	Nguyễn Thuý Anh	10/06/1991	Hà Tây	QB23b3	6.4
1241	A17587	Hà Thuý Quỳnh	02/07/1992	Hà Nội	QB23b3	6.3
1242	A17588	Lê Hoài Nam	27/08/1992	Hà Nội	QB23g7	6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1243	A17589	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/05/1992	Đồng Nai	QB23e3	6.7
1244	A17591	Lê Vũ Phương Linh	01/03/1993	Hà Nội	QB23c8	6.7
1245	A17592	Đình Thị Quỳnh	11/10/1991	Hà Nội	TI23c1	6.4
1246	A17593	Nguyễn Thị Minh Thu	02/10/1992	Hà Nội	QB23c9	6.4
1247	A17594	Đặng Thu Thảo	06/10/1992	Hà Nội	NE23a2	5.8
1248	A17595	Lưu Ngọc Bích	11/09/1992	Hà Tây	NE23a2	6
1249	A17596	Nguyễn Thị Thanh Hương	13/04/1992	Hà Tây	QB23a2	6
1250	A17597	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/01/1993	Hà Nội	QA23c2	6.9
1251	A17599	Nguyễn Thanh Huyền	31/08/1992	Thái Bình	NE23a2	7.1
1252	A17600	Đỗ Thị Hằng Nga	03/12/1992	Hà Nội	QB23b3	7.7
1253	A17603	Dương Thư Hiền	30/11/1992	Hà Nội	SN23c1	6.4
1254	A17604	Nguyễn Đình Hương	01/03/1992	Hà Nội	QA23g2	6.5
1255	A17605	Phan Thị Hằng	02/10/1991	Ninh Bình	QB23g7	6.5
1256	A17606	Nguyễn Mạnh Toàn	13/12/1992	Hà Nội	QB23c9	7.2
1257	A17607	Đỗ Tiến Duy	23/12/1990	Lào Cai	QB23d4	6.8
1258	A17608	Phạm Hồng Vân	25/12/1992	Ninh Bình	QB23b3	6.2
1259	A17609	Phạm Thị Bích Liên	08/03/1991	Ninh Bình	QB23c9	5.7
1260	A17611	Hoàng Thy Nga	19/07/1991	Bắc Giang	QB23b3	7.4
1261	A17614	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	30/05/1992	Thái Bình	QB23e3	5.5
1262	A17616	Nguyễn Trung Thành	20/11/1992	Hòa Bình	QB23e3	6.6
1263	A17617	Phạm Thị Hương Ly	12/10/1990	Hòa Bình	QA23c4	6.8
1264	A17618	Nguyễn Đình Tú	14/07/1991	Hà Tây	QA23g3	6.5
1265	A17619	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/10/1991	Thanh Hóa	QB23c9	6.6
1266	A17620	Vũ Anh Dũng	08/11/1992	Hà Nội	QB23d4	6.1
1267	A17621	Lý Minh Đức	13/07/1992	Hà Nội	QB23c9	6.4
1268	A17622	Vũ Công Chính	24/03/1992	Nam Định	QB23g7	6.5
1269	A17623	Phạm Văn Trường	16/12/1991	Hải Dương	TI23g1	6
1270	A17625	Ngô Hiền Trang	16/11/1991	Hà Nội	QA23c4	6.6
1271	A17626	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	25/10/1991	Hà Nội	QB23b3	6.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1272	A17627	Lê Thu Thủy	09/06/1991	Hà Nội	QA23d2	6
1273	A17628	Lê Thị Thu Trang	06/05/1992	Hải Dương	QA23d2	6.2
1274	A17632	Vũ Đức Độ	15/06/1992	Thái Bình	QB23g7	5.8
1275	A17635	Nguyễn Phương Anh	01/03/1991	Hà Nội	QA23b1	6
1276	A17636	Đào Trung Hiếu	05/08/1990	Hà Nội	QE23a1	7.1
1277	A17638	Trần Hoàng Anh	31/01/1992	Nam Định	QB23c9	6.4
1278	A17639	Nguyễn Quỳnh Trang	25/02/1992	Hà Nội	QB23c9	6.4
1279	A17640	Đỗ Khắc Điệp	09/04/1991	Thái Bình	QB23g7	6.4
1280	A17643	Đào Duy Tùng	08/10/1991	Phú Thọ	QB23a2	6.2
1281	A17644	Phạm Phương Nhung	12/04/1991	Hà Tây	QA23e2	7.3
1282	A17646	Đặng Thị Nhân	31/05/1992	Hà Tây	QA23g3	6.9
1283	A17647	Nguyễn Thị Hương	03/09/1990	Ninh Bình	NE23a2	6.7
1284	A17649	Dương Kiên Cường	17/04/1992	Hà Nội	QB23g7	6.4
1285	A17650	Trần Hà Linh	25/06/1992	Hà Nội	QB23c9	5.8
1286	A17651	Vũ Thị Minh Phương	14/05/1992	Hà Nội	QB23b4	6
1287	A17652	Nguyễn Ngọc Duy Anh	30/01/1992	Hà Nội	QB23c9	5.6
1288	A17653	Bùi Tuấn Duy	10/06/1992	Hà Nội	QB23c9	5.9
1289	A17654	Đỗ Hoàng Anh	02/11/1992	Hà Nội	QB23d4	7
1290	A17656	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/08/1992	Hà Nội	QB23c9	6.7
1291	A17658	Nguyễn Thị Thuý Nga	17/02/1992	Hòa Bình	QB23g7	7
1292	A17659	Đồng Mai Vân	29/08/1992	Hải Phòng	QA23c4	7.1
1293	A17660	Phạm Ngọc Hải	18/04/1992	Bắc Giang	QB23e3	6
1294	A17661	Nguyễn Trường Giang	25/04/1992	Hà Tây	QB23c9	6.7
1295	A17662	Trịnh Thị Minh Thảo	19/06/1992	Hà Nội	QB23c9	6.7
1296	A17665	Trần Thị Huyền Trang	15/07/1992	Hà Tây	QB23g7	6.1
1297	A17666	Nguyễn Ngọc Huy	25/10/1992	Bắc Giang	QB23g1	6.3
1298	A17667	Quản Thị Thuý	26/10/1992	Hà Nội	QA23c4	6.2
1299	A17668	Nguyễn Thị ánh Tuyết	29/07/1991	Hà Tây	SN23d1	6.1
1300	A17669	Vũ Thiệu Nam	23/05/1992	Thanh Hoá	QB23g7	6.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1301	A17670	Trần Tuấn Nhật	11/12/1992	Lào Cai	QB23b4	6.4
1302	A17671	Ngô Thị Diệu Thúy	15/10/1992	Hà Nội	QB23e3	6.7
1303	A17672	Tổng Văn Hương	02/11/1992	Hà Nội	QB23g1	6.2
1304	A17673	Đào Thị Thuý Lam	12/01/1992	Hà Nội	QB23d4	6.6
1305	A17674	Nguyễn Thị Thùy Linh	12/09/1992	Hải Dương	QA23c4	6.5
1306	A17675	Nguyễn Thanh Hằng	16/02/1992	Hà Nội	QB23c9	6.2
1307	A17676	Nguyễn Thùy Dung	13/09/1991	Tuyên Quan	QB23g7	5.3
1308	A17677	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/03/1992	Tuyên Quan	QB23g7	6.5
1309	A17678	Nguyễn Thị Ngọc Trang	02/08/1992	Hà Nội	QB23a2	6.6
1310	A17679	Nguyễn Kiều Chinh	25/12/1992	Hà Nội	QB23d4	6.7
1311	A17680	Đặng Quốc Việt	16/03/1992	Hà Nội	QB23b4	7.1
1312	A17681	Nghiêm Nhật Linh	19/06/1992	Hà Tây	QB23c9	6.5
1313	A17682	Nguyễn Thị Vân Anh	13/06/1992	Hà Nội	QA23c4	6.2
1314	A17683	Hà Minh Châu	12/04/1992	Hà Nội	QB23g3	6.9
1315	A17686	Nguyễn Diễm Hằng	08/05/1992	Hà Nội	XW23c1	6
1316	A17687	Nguyễn Vân Nga	14/08/1992	Hà Nội	QB23d3	6.8
1317	A17689	Nguyễn Thế Cường	04/12/1991	Hà Nội	QB23e2	7
1318	A17692	Nguyễn Thị Thắm	07/08/1992	Hà Nam	QB23e3	6.9
1319	A17693	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/09/1992	Nghệ An	QB23e3	6.4
1320	A17694	Nguyễn Quốc Cường	25/02/1989	Quảng Ninh	QB23c9	6.6
1321	A17695	An Việt Cường	17/09/1992	Hà Nội	QB23c9	5.9
1322	A17696	Phương Quỳnh Trang	02/09/1992	Hải Dương	QA23c4	6.9
1323	A17697	Dương Thị Ngọc Trâm	28/09/1992	Hà Nội	QA23c4	7.3
1324	A17698	Nguyễn Thị Hải Yến	23/12/1992	Hưng Yên	QB23g5	6.6
1325	A17699	Nguyễn Hải Yến	28/09/1992	Hà Nội	QB23g7	7.2
1326	A17700	Hoàng Kim Ngân	06/04/1992	Hà Nội	QB23g7	6.9
1327	A17701	Trần Minh Trang	01/12/1992	Hà Nội	QE23g2	6.5
1328	A17702	Trần Đức Tuấn	20/04/1991	Bắc Ninh	QB23g1	6.7
1329	A17703	Nguyễn Thị Trang	03/12/1992	Bắc Ninh	QB23c9	6.8

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1330	A17704	Nguyễn Thị Thơm	18/12/1991	Bắc Ninh	QB23d4	6.4
1331	A17705	Lê Quốc Cường	12/09/1991	Phú Thọ	QB23d4	5.8
1332	A17706	Vũ Thu Trang	02/09/1992	Hà Tây	QB23b4	6.6
1333	A17707	Nguyễn Trung Quân	24/11/1992	Hà Tây	QB23g7	6.1
1334	A17708	Vũ Minh Châu	11/01/1992	Hà Tây	QA23b1	7.4
1335	A17709	Đoàn Thanh Hải	26/02/1992	Hà Nội	QB23b4	6.6
1336	A17710	Nguyễn Ngọc Anh	06/02/1992	Hà Nội	QB23a2	7.4
1337	A17711	Nguyễn Thị Anh Thư	18/10/1992	Hà Nội	QA23b1	5.9
1338	A17713	Trần Cẩm Vân	23/02/1992	Hà Nội	QA23b1	6.6
1339	A17715	Bùi Thị Phương Ly	14/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.2
1340	A17716	Nguyễn Khánh Duy	18/09/1992	Hòa Bình	QB23a2	6.9
1341	A17717	Dương Thị Ngọc Anh	24/06/1992	Hà Nội	QE23a1	6.5
1342	A17718	Nhân Thị Thuỳ Linh	08/05/1992	Hà Nội	QA23g3	6.7
1343	A17719	Bùi Vĩnh An	07/05/1992	Phú Thọ	QB23e3	6.2
1344	A17720	Đặng Thị Lệ Quyên	30/10/1992	Hà Tây	QB23c9	6.7
1345	A17721	Nguyễn Mạnh Quân	02/02/1992	Hà Nội	QB23d4	5.5
1346	A17722	Trần Thị Dung	12/12/1992	Sơn La	QB23c9	6.6
1347	A17723	Phạm Thanh Hải	22/12/1992	Quảng Ninh	QB23g7	6.8
1348	A17724	Đình Phúc Thịnh	01/07/1992	Hà Nội	QB23g7	6.5
1349	A17725	Nguyễn Việt Hoàng	29/10/1992	Hà Nội	QB23d4	6.4
1350	A17728	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26/12/1992	Hà Tây	QB23c9	6.3
1351	A17729	Đỗ Thị Khánh Linh	25/01/1992	Hà Nội	QB23c9	5.9
1352	A17730	Lại Quốc Minh	06/11/1991	Hà Nội	QB23b2	6
1353	A17731	Phó Thị Thuỳ Linh	30/09/1992	Hà Tây	QB23g7	5.9
1354	A17732	Doãn Thị Thuý Vân	20/10/1992	Hà Tây	QB23g7	6.4
1355	A17734	Nguyễn Thành Công	22/02/1992	Hà Nội	QB23b4	6
1356	A17736	Nguyễn Đức Anh	13/09/1992	Phú Thọ	QB23g7	6
1357	A17737	Hồ Thị Phương Hoa	26/07/1992	Hà Nội	QB23e3	6.5
1358	A17738	Trịnh Thu Trang	20/11/1992	Hà Nội	QB23c9	6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1359	A17739	Nguyễn Thị Mỹ Ly	03/08/1992	Hà Nội	QA23c5	6.9
1360	A17740	Đình Quang Long	22/08/1991	Hà Tây	TC23g1	6.7
1361	A17741	Nguyễn Thị Lan Anh	30/11/1992	Bắc Ninh	QB23a2	6.4
1362	A17742	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/03/1991	Thái Bình	QB23e4	6
1363	A17743	Phạm Tuấn Tú	18/03/1992	Bắc Giang	QB23g7	5.6
1364	A17744	Lê Tiến Dũng	28/06/1991	Thanh Hóa	TI23g1	5.4
1365	A17745	Vũ Quốc Đại	01/01/1992	Bắc Ninh	QB23b4	6.8
1366	A17747	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/11/1992	Thanh Hóa	QB23c9	6.6
1367	A17749	Đình Thị Kim Chi	24/04/1992	Hà Tây	SN23c1	6.3
1368	A17750	Nguyễn Đức Thành	26/06/1992	Thái Bình	QB23g7	6.6
1369	A17751	Nguyễn Tiến Dũng	16/06/1991	Phú Thọ	QB23g7	6.6
1370	A17752	Trần Thị Hồng Nhung	15/06/1991	Hung Yên	XW23g1	6.7
1371	A17753	Trần Đức Thiện	16/04/1992	Hà Nội	QB23c9	6.9
1372	A17754	Nguyễn Ngọc Tường	21/01/1992	Hà Nội	QB23d4	6.2
1373	A17756	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	27/08/1992	Hà Nội	QA23c5	6.7
1374	A17757	Đỗ Hằng Nga	19/07/1992	Hà Tây	QB23c9	6.3
1375	A17758	Đào Thị Thúy Ngân	07/05/1992	Hà Tây	XW23g1	5.9
1376	A17759	Phạm Thị Mỹ Linh	24/05/1992	Quảng Bình	QE23c2	7.4
1377	A17761	Trần Thị Dung	03/04/1992	Hà Nam	QB23g7	5.8
1378	A17762	Dương Thu Hằng	11/01/1992	Hà Nội	QA23c5	7.2
1379	A17763	Phạm Thị Thùy Linh	19/05/1992	Hà Nam	QB23g7	6
1380	A17764	Đào Thị Thanh Tâm	06/12/1992	Hung Yên	QB23g7	6.6
1381	A17765	Đàm Thị Hoài My	24/08/1992	Hà Nội	QB23c9	6.8
1382	A17767	Đỗ Thị Minh Thủy	20/08/1991	Vĩnh Phúc	QB23c9	5.3
1383	A17768	Nguyễn Thị ánh	24/01/1992	Nam Định	QA23g3	6.4
1384	A17770	Phan Trọng Vinh	26/08/1992	Bắc Ninh	QB23g7	6.3
1385	A17772	Trần Thị Nhật Mai	11/02/1992	Hà Tây	QB23a2	6.5
1386	A17773	Nguyễn Thị Huyền	08/09/1992	Hà Tây	QA23g3	6.5
1387	A17774	Chu Thu Hương	04/02/1992	Hà Nội	QB23c1	7.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1388	A17775	Hoàng Thanh Hương	04/01/1992	Hà Nội	NE23a2	6.9
1389	A17777	Lưu Hạnh Nguyên	11/10/1992	Hà Nội	QA23d2	6.5
1390	A17779	Nguyễn Thị Kiều Trang	19/06/1992	Hà Nội	QB23e4	6.2
1391	A17781	Trần Thanh Thủy	19/10/1992	Hà Nội	QB23c9	5.6
1392	A17782	Nguyễn Thị Thảo	07/02/1992	Bắc Giang	QB23a2	7.3
1393	A17783	Lại Thị Ngọc Huyền	03/08/1992	Quảng Ninh	QB23c9	7
1394	A17784	Vương Trà Mi	22/11/1992	Hà Tây	QB23c9	5.8
1395	A17785	Hàn Bảo Ngọc	13/05/1992	Hà Nội	QB23b4	6.4
1396	A17787	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	22/08/1992	Hải Phòng	QB23a2	6.6
1397	A17788	Đỗ Thùy Giang	24/02/1992	Quảng Ninh	QB23b4	6.1
1398	A17791	Phạm Thị Thu Thảo	14/01/1992	Thái Bình	QB23g7	7.1
1399	A17792	Chu Yến Trinh	10/06/1992	Hà Nam	QA23c5	7.3
1400	A17793	Mai Thanh Hiền	28/01/1992	Hà Nội	QB23c9	6.3
1401	A17795	Lê Thị Vân Anh	07/09/1991	Thanh Hóa	QB23e4	6.8
1402	A17796	Bùi Kim Ngân	07/08/1992	Thái Nguyên	SP23g1	6
1403	A17797	Tạ Thị Thu Hiền	11/11/1992	Bắc Ninh	QA23c5	6.6
1404	A17798	Nguyễn Bích Ngọc	31/03/1992	Hà Nội	QB23e4	6.5
1405	A17799	Nguyễn Thị Hải Yến	28/07/1991	Hà Nội	QA23g4	5.8
1406	A17800	Nguyễn Thị Ly Na	07/03/1992	Nghệ An	QA23g4	6.8
1407	A17801	Phạm Thị Thu Hằng	02/10/1992	Phú Thọ	QA23e2	6.6
1408	A17802	Nguyễn Nam Việt	21/10/1992	Hà Nội	NE23a2	6.1
1409	A17803	Nguyễn Thanh Huyền	30/09/1992	Hà Nội	QA23c5	6.7
1410	A17804	Tăng Thị Vân Anh	28/12/1992	Hà Tây	QB23c9	6.9
1411	A17805	Đỗ Kiều Anh	04/05/1992	Thái Bình	QB23c1	6
1412	A17806	Nguyễn Phương Thanh	16/03/1992	Hà Nội	QB23c9	6.5
1413	A17808	Đặng Thị Hồng Hoa	20/11/1992	Thái Bình	QB23d4	6.7
1414	A17809	Trịnh Tiến Giáp	15/08/1992	Hà Tây	QB23g7	6.7
1415	A17810	Hà Văn Vinh	02/04/1992	Hòa Bình	QB23d4	6.2
1416	A17811	Đoàn Thị Thanh Phương	28/07/1992	Nam Định	QA23g4	6.6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1417	A17812	Bùi Thành Trung	29/08/1992	Phú Thọ	QB23g4	6.2
1418	A17814	Trần Đức Anh	16/07/1992	Nam Định	SN23g1	5.8
1419	A17815	Vũ Thị Thu Hường	19/02/1992	Bắc Giang	QB23e4	6.5
1420	A17816	Nguyễn Việt Hưng	19/10/1992	Hải Dương	QH23g1	6.3
1421	A17817	Nguyễn Hữu Hùng	18/01/1992	Hà Nội	QB23e4	7.4
1422	A17818	Tạ Minh Hiền	18/02/1992	Hà Nội	QB23c1	5.8
1423	A17819	Lê Thị Thảo	15/11/1992	Hải Dương	SN23c1	6
1424	A17820	Nguyễn Thu Hà	17/12/1991	Hà Nội	QB23c5	6.2
1425	A17821	Lê Thị Minh Trang	08/05/1992	Thanh Hóa	QA23g1	6.2
1426	A17823	Phạm Thị Ngát	10/01/1992	Hải Dương	QA23d2	6.7
1427	A17825	Lê Thị Chang	26/10/1992	Hưng Yên	QB23c1	6.6
1428	A17826	Nguyễn Thị Thanh Hương	14/09/1992	Hà Nội	QB23c1	7
1429	A17827	Phạm Bích Hường	11/11/1992	Bắc Giang	QB23c1	6.7
1430	A17828	Nguyễn Tiến Mạnh	21/05/1992	Hà Nội	QB23e4	6
1431	A17829	Mai Việt Hoàng	28/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1432	A17831	Nguyễn Thị Diệu Linh	14/10/1992	Hà Nội	QA23d2	6.8
1433	A17832	Phùng Việt Anh	10/06/1992	Hà Nội	QB23d4	6.4
1434	A17833	Lê Thị Hằng	31/12/1992	Hà Tây	QE23g2	6.9
1435	A17834	Phạm Thị Thu Hương	20/11/1992	Ninh Bình	XW23g1	6.7
1436	A17835	Nguyễn Trà My	07/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1437	A17836	Hoàng Minh Trang	27/02/1992	Hà Nội	QA23g1	6.5
1438	A17837	Phan Ngọc Yên	15/07/1992	Hà Nội	QB23a2	7.1
1439	A17838	Tạ Thị Thu Nga	17/07/1992	Bắc Giang	QA23c5	7
1440	A17841	Nguyễn Thùy Dung	10/08/1992	Hà Nội	QA23b1	6.9
1441	A17843	Nguyễn Tùng Sơn	26/01/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1442	A17848	Lê Ngọc Bách	24/02/1992	Hà Nội	TI23e1	6.8
1443	A17849	Dương Thu Thủy	09/12/1992	Bắc Giang	QB23e4	6.6
1444	A17851	Trần Thái Bảo	25/04/1992	Bắc Giang	QB23b4	6.4
1445	A17852	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	24/04/1991	Thừa thiên	QB23c1	6.2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1446	A17853	Kim Thị Thùy Giang	04/10/1992	Hà Nội	QB23c1	6.6
1447	A17855	Đỗ Thanh Hùng	08/04/1992	Hà Nội	QE23c2	5.5
1448	A17856	Phùng Ngọc Anh	27/05/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9
1449	A17857	Nguyễn Thị Yến	08/10/1991	Bắc Ninh	SN23c1	5.5
1450	A17858	Nguyễn Hồng Quyên	09/04/1992	Bắc Giang	QB23c1	6.5
1451	A17860	Đỗ Thu Trang	21/03/1992	Hà Nội	QE23g2	6.6
1452	A17861	Nguyễn Thùy Dương	02/09/1992	Bắc Giang	QB23e4	6.7
1453	A17862	Chu Bá Kiên	20/03/1992	Bắc Giang	QB23g8	6
1454	A17864	Phùng Phương Anh	30/03/1992	Hà Nội	QB23b1	6.4
1455	A17866	Nguyễn Bá Hùng	17/08/1992	Bắc Ninh	QB23g8	5.5
1456	A17868	Nguyễn Tiến Chung	14/04/1992	Hà Nội	QB23d4	6.7
1457	A17869	Vũ Anh Thái	16/06/1992	Hà Nội	QE23c2	6.1
1458	A17870	Nguyễn Hải Hà	06/02/1992	Hà Tây	QB23d4	6.7
1459	A17871	Lê Thị Hương	20/11/1992	Hòa Bình	NE23a2	6.5
1460	A17872	Nguyễn Hải Yến	02/02/1991	Thái Nguyên	QA23c5	7.3
1461	A17873	Chu Thị Hùng	22/12/1992	Bắc Giang	QE23a1	6.2
1462	A17875	Nguyễn Thị Thu	22/01/1992	Hà Tây	QA23e2	6.2
1463	A17876	Nguyễn Minh Hoàng	01/07/1992	Bắc Cạn	QB23e4	6.4
1464	A17877	Ninh Thị Thu Trà	25/03/1992	Bắc Cạn	QB23g8	6.9
1465	A17878	Lê Thị Phương Thảo	23/08/1992	Hà Nam	QA23b1	6.7
1466	A17879	Nguyễn Thành Duy	14/12/1992	Hà Nội	QE23g1	6.4
1467	A17880	Đỗ Thu Liên	18/11/1992	Hà Tây	QB23c1	6.4
1468	A17883	Trần Thị Hồng	12/11/1992	Hà Tây	SN23c1	6.1
1469	A17884	Phạm Thị Mai Hương	02/12/1992	Hải Dương	QA23e2	6.7
1470	A17885	Ngô Ngọc Minh Anh	19/06/1992	Hà Nội	QB23d4	6.3
1471	A17886	Lê Thùy Linh	29/07/1992	Hà Nội	QB23g8	6.6
1472	A17887	Nguyễn Đức Thịnh	19/08/1992	Hà Tây	QA23e2	6.4
1473	A17888	Nguyễn Thị Hải Anh	20/09/1992	Hà Nội	QE23d1	5.8
1474	A17889	Phạm Quang Minh	01/02/1992	Hà Nội	QB23c10	7

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1475	A17892	Hoàng Vũ	03/04/1992	Hà Nội	QB23b4	5.8
1476	A17893	Nguyễn Thị Kim Cúc	28/12/1992	Thanh Hóa	QA23g4	6.4
1477	A17894	Vũ Thị Cẩm Nhung	23/04/1992	Quảng Ninh	QB23g8	6.9
1478	A17896	Đàm Thị Thu Thủy	05/12/1991	Bắc Ninh	QA23g4	6.6
1479	A17897	Nguyễn Tiến Đạt	01/08/1992	Bắc Giang	QE23g2	5.7
1480	A17898	Nguyễn Thị Thu	02/12/1991	Bắc Ninh	QA23g4	6.6
1481	A17899	Đỗ Thị Minh Ngọc	10/05/1991	Thái Bình	QB23g8	6
1482	A17900	Phạm Huyền Trang	21/09/1991	Hà Nội	QB23g8	5.8
1483	A17902	Nguyễn Thanh Vân	06/10/1992	Hà Nội	QB23b4	5.8
1484	A17903	Vũ Thị Thu Trang	06/07/1992	Nam Định	QB23g8	6.5
1485	A17904	Vũ Thị Mai Hiền	09/10/1992	Thái Bình	SP23d1	5.7
1486	A17905	Nguyễn Thị Huyền Nga	02/02/1992	Hà Nội	QB23b4	6.4
1487	A17906	Kiều Trần Thanh	12/06/1989	Hà Tây	XV23g1	6
1488	A17907	Nguyễn Đình Tuấn	20/04/1992	Hà Nội	QE23e1	6.2
1489	A17908	Nguyễn Danh Huỳnh	28/11/1991	Hải Dương	QB23g8	6.3
1490	A17909	Hoàng Thu Trang	30/07/1992	Hà Nội	SN23d1	6
1491	A17910	Đỗ Thế Việt	25/06/1992	Hà Nội	QB23g8	7
1492	A17912	Nguyễn Thị Diệu Linh	09/05/1992	Quảng Ninh	QB23c1	7.3
1493	A17913	Nguyễn Mạnh Thắng	14/03/1992	Lạng Sơn	QB23g8	5.6
1494	A17915	Trương Thị Ngân	12/09/1992	Bắc Giang	QB23e4	6.2
1495	A17916	Phạm Thanh Mai	20/11/1992	Lạng Sơn	QA23g4	6.2
1496	A17917	Nguyễn Hải Anh	08/05/1992	Hà Nội	QB23b4	6.6
1497	A17918	Phạm Thị Kim Ngân	26/09/1992	Quảng Ninh	QB23e4	5.9
1498	A17919	Vũ Phương Thảo	09/02/1993	Hà Nội	QE23e1	6.1
1499	A17920	Nguyễn Thị Tú Oanh	23/02/1992	Hà Nội	QB23e4	6.7
1500	A17923	Đặng Minh Trang	24/08/1992	Thái Bình	QA23g4	6.6
1501	A17924	Đỗ Quỳnh Trang	04/11/1992	Hà Nội	QA23e2	6.4
1502	A17925	Nguyễn Hương Lan	21/01/1992	Hà Nội	QB23g8	6.4
1503	A17926	Lương Minh Ngọc	20/02/1992	Hà Nội	QA23d2	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1504	A17927	Bùi Quốc âm	03/04/1992	Hà Tây	QA23e2	6.5
1505	A17928	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/04/1992	Hà Nội	QA23g4	6.3
1506	A17929	Nguyễn Cẩm Lê	09/12/1992	Hà Nội	QB23e4	6.6
1507	A17930	Lê Thị Minh Trà	13/05/1992	Lạng Sơn	QB23d4	6.4
1508	A17931	Trần Thị Thu Thương	26/04/1992	Hà Nội	QB23e4	6.6
1509	A17932	Nguyễn Thu Trà	23/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
1510	A17933	Nguyễn Hữu Đức	21/01/1992	Hà Nội	QB23c1	7
1511	A17934	Đỗ Thanh Huyền	04/02/1992	Phú Thọ	QB23b4	7.5
1512	A17935	Nguyễn Thị Huệ	13/10/1992	Lạng Sơn	QB23g8	6.3
1513	A17936	Vũ Hoàng Quy	17/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.7
1514	A17937	Nguyễn Thanh Huyền	25/12/1992	Hà Tây	QB23b4	6.5
1515	A17938	Nguyễn Vân Giang	19/03/1992	Ninh Bình	QA23g4	6
1516	A17939	Lại Diễm Hằng	19/08/1992	Quảng Ninh	QA23g4	6.3
1517	A17941	Nguyễn Thế Hiển	10/11/1991	Nam Định	SN23g1	6.4
1518	A17942	Hoàng Minh Phương	11/01/1992	Ninh Bình	XW23g1	6.2
1519	A17943	Lương Việt An	03/01/1991	Thanh Hóa	QA23g4	6.5
1520	A17944	Lê Việt Nga	10/03/1992	Thanh Hóa	QA23g4	6.7
1521	A17946	Phùng Thị Hường	28/10/1992	Hà Tây	QA23g4	6.7
1522	A17947	Lê Minh Anh	05/08/1992	Hà Tây	QB23e4	5.8
1523	A17948	Nguyễn Thị Cúc	20/11/1991	Quảng Ninh	QB23g8	6.5
1524	A17950	Phạm Thu Kiên	24/10/1992	Hà Nội	QB23b4	7.1
1525	A17951	Nguyễn Thị Nga	19/07/1992	Nam Định	QA23g4	6.8
1526	A17952	Nguyễn Việt Hà	12/09/1992	Hà Nội	QB23c1	7.2
1527	A17953	Đỗ Khánh Huyền	24/08/1992	Hà Nội	XV23g1	5.9
1528	A17954	Nguyễn Thanh Thủy	29/10/1992	Hà Nội	QB23a2	6.2
1529	A17955	Nguyễn Thị Nhâm	05/09/1992	Hà Tây	QA23g4	7.1
1530	A17956	Vũ Thị Ngọc Châu	07/07/1992	Hải Dương	QB23e4	6.5
1531	A17957	Nguyễn Châm Ngọc	26/01/1992	Hà Nội	QA23c5	6.1
1532	A17958	Trương Quang Huy	03/10/1992	Bắc Giang	QA23g4	6.7

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1533	A17959	Nguyễn Thị Lệ Việt	12/12/1991	Thanh Hóa	XV23g1	6
1534	A17960	Phan Thị Lan Anh	24/11/1991	Hà Nội	QB23c1	6.4
1535	A17961	Vũ Tiến Thành	15/02/1992	Thái Bình	QB23e4	6
1536	A17964	Vũ Thị Phương	19/10/1992	Thái Bình	QB23c1	5.9
1537	A17966	Hoàng Diệu Linh	08/09/1992	Thái Bình	QB23g8	6.5
1538	A17967	Phạm Thị Hải Yến	02/08/1991	Hải Phòng	QB23c1	7
1539	A17968	Nguyễn Thu Hương	15/11/1992	Thái Bình	QB23g8	6.9
1540	A17969	Trần Thanh Lam	10/07/1992	Yên Bái	QA23e2	6.5
1541	A17970	Nguyễn Tuấn Anh	16/06/1992	Hà Nội	QE23e1	7.6
1542	A17971	Bùi Thị Tuyết Phương	10/09/1992	Hà Nội	XV23g1	6.4
1543	A17974	Phan Kim Chi	18/05/1992	Hà Nội	QA23g4	7
1544	A17975	Trần Khánh Thảo	11/03/1992	Hà Nội	QA23c5	6.5
1545	A17976	Hoàng Thiệu Hoa	18/04/1992	Hà Nội	QB23a2	6
1546	A17977	Lê Thị Hạnh Linh	16/05/1992	Thanh Hóa	QB23b4	6
1547	A17978	Nguyễn Thành Long	14/08/1992	Hà Nội	QB23c1	6.1
1548	A17979	Phạm Ngọc Mai	27/10/1992	Hải Dương	QB23e4	6.9
1549	A17980	Bùi Thị Diệu Linh	04/02/1992	Ninh Bình	QB23e2	6.3
1550	A17981	Đỗ Thị Hồng Nhung	13/03/1992	Thái Bình	QA23g4	5.5
1551	A17982	Phan Minh Đức	18/08/1992	Thái Bình	QB23g8	5.9
1552	A17983	Phạm Hải Anh	26/10/1992	Hà Nội	QB23d3	6.3
1553	A17984	Nguyễn Hà Minh	07/11/1991	Hà Nội	QB23b4	5.5
1554	A17985	Phạm Thu Phương	12/04/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1555	A17986	Trần Mai Anh	09/12/1992	Hà Tây	QB23g9	5.9
1556	A17987	Vũ Nhật Diệp Sương	13/11/1992	Hà Nội	QB23a2	6.9
1557	A17988	Đỗ Thế Anh	17/12/1992	Hà Nam	QB23g3	6.7
1558	A17991	Lã Minh Tuấn	26/11/1992	Hà Nam	QE23g2	6.4
1559	A17993	Nguyễn Tuấn Vũ	07/04/1991	Hà Nội	SP23e1	5.5
1560	A17994	Trần Thu Hoài	19/01/1992	Hà Nội	QA23g4	7
1561	A17996	Phạm Thị Huệ	30/09/1991	Hải Phòng	QB23a2	7

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1562	A17998	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/02/1992	Hà Nội	NE23a2	6.8
1563	A17999	Nguyễn Ngọc Trâm	04/03/1992	Thanh Hóa	QA23g4	6.3
1564	A18000	Đào Mai Anh	21/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
1565	A18001	Phạm Thị Thu Hương	28/06/1992	Quảng Ninh	QE23e1	7.1
1566	A18002	Đình Hồng Đức	01/11/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9
1567	A18004	Nguyễn Thị Thắm	03/04/1992	Thanh Hóa	QE23g2	6.7
1568	A18005	Trịnh Thị Linh Chi	17/09/1992	Thanh Hóa	QA23g4	6.2
1569	A18006	Phạm Phương Thanh	16/02/1992	Hà Tây	QB23c1	5.7
1570	A18007	Đỗ Ngọc Tú	12/04/1991	Hà Nội	QB23b1	6
1571	A18008	Nguyễn Thị Kim Hoàn	21/05/1992	Hà Nội	QB23d4	6
1572	A18011	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	10/10/1992	Hà Giang	QB23g8	5.7
1573	A18012	Trần Thu Trang	25/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1574	A18013	Phạm Thị Mai Linh	12/05/1991	Hà Nam	QB23c1	6.3
1575	A18015	Nguyễn Lê Lam Hạnh	20/12/1991	Quảng Ngãi	QB23g8	6.5
1576	A18016	Chu Thị Tuyết Mai	15/10/1992	Hải Phòng	QA23e2	6.4
1577	A18017	Đặng Thị Hoài Thu	03/12/1991	Hà Tây	QA23b1	6.7
1578	A18018	Phùng Hương Ly	21/07/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1579	A18019	Trịnh Tuấn Sơn	30/08/1991	Hà Nội	QE23c1	6
1580	A18022	Trần Minh Đức	18/03/1992	Hà Nội	QB23c1	6.4
1581	A18023	Lê Bích Ngọc	03/08/1992	Hà Nội	QE23b1	6.4
1582	A18024	Hoàng Nguyễn Thiên Trang	28/12/1992	Hà Nội	QB23g8	6
1583	A18025	Phan Hoài Thu	23/03/1991	Hà Nội	QB23c1	6.3
1584	A18028	Trần Mạnh Đạt	09/09/1991	Thanh Hóa	QB23g8	7.3
1585	A18029	Bùi Thanh Huyền	20/10/1992	Hà Tây	QB23c1	6.3
1586	A18031	Nguyễn Thị Mai Phương	08/10/1991	Hà Tây	QB23g8	6.6
1587	A18032	Trần Thu Hiền	03/08/1992	Hà Nội	NE23a2	6
1588	A18033	Lê Quỳnh Anh	20/06/1992	Hải Dương	QB23c1	6.4
1589	A18034	Nguyễn Thị Huyền Nga	09/12/1992	Thái Bình	QB23e4	5.9
1590	A18035	Nguyễn Xuân Tùng	19/10/1991	Hà Tây	QB23g8	6.5

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1591	A18036	Lê Hồng Anh	23/12/1992	Thanh Hóa	QA23c5	7.1
1592	A18037	Nguyễn Thế Dũng	31/10/1991	Hà Nội	QB23e4	6.1
1593	A18038	Nguyễn Bích Thuý	24/08/1992	Bắc Ninh	QB23b4	6.2
1594	A18039	Nguyễn Thọ Lộc	16/11/1992	Thái Nguyên	QB23e4	6.2
1595	A18040	Nguyễn Thị Uyên	10/07/1992	Hải Dương	QA23e2	7.1
1596	A18042	Nguyễn Hoàng Tú	29/11/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9
1597	A18044	Lê Thị Uyên Phương	22/08/1992	Quảng Ninh	QB23b4	6.7
1598	A18045	Trần Thị Kim Anh	20/05/1992	Hà Nội	QA23c5	7.6
1599	A18046	Nhữ Đình Việt	20/07/1992	Hải Dương	QE23e1	6.9
1600	A18047	Trần Thanh Tâm	15/04/1992	Hà Nội	NE23a2	6.9
1601	A18049	Nguyễn Hương Lan	27/10/1992	Hà Nội	QB23g8	6.1
1602	A18050	Nguyễn Phương Anh	06/08/1992	Thanh Hóa	QB23g8	6.4
1603	A18052	Bùi Thị Vui	23/03/1992	Hưng Yên	QA23c5	7.2
1604	A18057	Đỗ Thị Thanh Thảo	24/09/1992	Hà Nội	QB23a2	6.9
1605	A18058	Nguyễn Mai Phương	04/11/1992	Hà Tây	QB23c1	6.6
1606	A18059	Vũ Trà Mi	07/12/1992	Hà Nội	QB23c1	6.5
1607	A18060	Nguyễn Quang Đức	09/04/1992	Quảng Ninh	QB23e4	6.7
1608	A18061	Vũ Thị Khánh Vân	15/11/1992	Nam Định	QA23c5	6.4
1609	A18062	Lê Tuấn Đạt	06/03/1992	Hà Nội	XW23g1	7.3
1610	A18063	Bùi Hoàng Phương	13/02/1992	Hà Nội	QE23a1	6.3
1611	A18064	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/07/1992	Tuyên Quan	QE23b1	6.9
1612	A18065	Đình Thế Sơn	30/10/1991	Hà Nam	QE23c2	6.8
1613	A18066	Trần Thu Trang	21/12/1992	Phú Thọ	QA23a1	7.1
1614	A18067	Đặng Thị Thu Trang	05/08/1992	Hải Dương	QB23g8	6.6
1615	A18069	Dương Thanh Nga	10/10/1992	Hà Nội	QB23a2	6.2
1616	A18070	Nguyễn Huyền Trang	06/01/1992	Hà Nội	QB23c1	5.6
1617	A18071	Lại ánh Hồng	19/12/1992	Hà Nội	QB23c1	7.1
1618	A18072	Tổng Hải Anh	02/11/1992	Hà Nội	NE23a2	5.9
1619	A18074	Hoàng Tất Thành	23/02/1991	Hà Nội	QB23c1	7.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1620	A18075	Đào Hồng Hạnh	07/04/1992	Hà Nội	QB23c1	6.8
1621	A18076	Phạm Kiều Ly	13/12/1992	Hà Nội	QB23g8	6.9
1622	A18078	Ngô Thị Tuyết Nhung	20/02/1991	Thanh Hóa	QA23c5	6.8
1623	A18079	Lê Văn Chung	02/09/1989	Vĩnh Phúc	XV23g1	6.7
1624	A18080	Phạm Ngọc Anh	01/11/1992	Hà Nội	QB23g8	6.8
1625	A18083	Lê Tuyết Nhung	03/11/1991	Vĩnh Phúc	XW23d1	6.4
1626	A18084	Nguyễn Thị Hoa	26/10/1992	Hải Dương	QA23c5	6.3
1627	A18085	Nguyễn Thị Trang	20/12/1991	Hà Nam	NE23a2	6.9
1628	A18086	Nguyễn Hương Trà	20/03/1992	Hà Nội	QE23g2	6.2
1629	A18087	Vũ Anh Dũng	17/08/1992	Hà Nội	QA23g4	6.1
1630	A18090	Nguyễn Thị Ngân	03/10/1992	Hà Nội	NE23a2	7.9
1631	A18091	Đỗ Thị Hồng Thanh	12/10/1992	Hà Nội	QA23g4	6.3
1632	A18093	Nguyễn Thị Giang	08/04/1992	Thái Bình	QB23d4	7
1633	A18094	Đặng Thị Minh Phương	28/01/1992	Vĩnh Phúc	QB23g9	6.3
1634	A18095	Triệu Ngọc Anh	23/10/1992	Hà Nội	QA23d2	7.3
1635	A18096	Nguyễn Ngọc Mai	20/01/1992	Hà Nội	QB23c1	7
1636	A18097	Trần Ngọc Minh	29/10/1992	Ninh Bình	QA23c5	6.4
1637	A18099	Nguyễn Thúy Hằng	02/01/1992	Hà Tây	SN23d1	6.5
1638	A18100	Trịnh Thảo Nhi	15/04/1991	Hà Nội	QB23d4	6.1
1639	A18101	Nguyễn Thị Việt Anh	10/05/1991	Hải Dương	QA23g4	5.9
1640	A18102	Nguyễn Thanh Nhân	06/10/1992	Bắc Ninh	QA23d2	6.4
1641	A18104	Đình Thị Trâm	17/06/1992	Quảng Ninh	QH23c1	6.5
1642	A18105	Lê Thị Yến	05/12/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9
1643	A18106	Lại Thị Anh Thư	11/07/1992	Hà Nội	QB23c11	5.6
1644	A18107	Trần Minh Thu	25/09/1992	Quảng Ninh	QA23c5	6.9
1645	A18108	Lê Thanh Thảo	15/03/1991	Thanh Hóa	QB23g9	6.5
1646	A18109	Nguyễn Linh Chi	19/02/1992	Vĩnh Phúc	QB23d4	6
1647	A18111	Lê Thị Hà	06/05/1992	Thanh Hóa	QA23g4	5.9
1648	A18112	Nguyễn Mai Thanh	26/11/1992	Hà Nội	QA23c5	6.6

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1649	A18114	Phạm Thị Khánh Ly	08/01/1992	Hà Nội	QA23c5	7
1650	A18115	Trịnh Thị Phương Loan	05/02/1992	Yên Bái	QB23d4	6.1
1651	A18116	Trần Tân An	18/07/1992	Nam Định	QE23c2	6.7
1652	A18117	Trần Thị Thùy Dung	17/09/1992	Hà Nội	QA23c5	6.5
1653	A18118	Vũ Thị ánh Nguyệt	17/04/1992	Thanh Hóa	QB23d4	6.6
1654	A18120	Trần Thị Tuyết	06/10/1992	Hà Nam	QB23g9	6.8
1655	A18122	Vũ Thị Thuỳ Linh	09/05/1992	Thái Bình	QB23d4	6
1656	A18123	Vũ Thu Hà	21/08/1991	Hà Nội	QB23a2	6.5
1657	A18124	Trần Văn Tiến	15/08/1991	Nam Định	QE23c2	5.8
1658	A18125	Hà Bảo Trâm	03/05/1992	Quảng Ninh	QA23b1	6.5
1659	A18126	Ngô Thị Thùy Linh	21/12/1992	Hà Nam	NE23a1	7
1660	A18128	Hồ Thị Huyền Nga	16/07/1992	Hà Nội	QB23c1	6.3
1661	A18130	Vũ Lai Quân	15/03/1992	Hà Nội	QB23c1	7.4
1662	A18132	Nguyễn Thị Thanh Hằng	01/05/1992	Hà Nội	QB23c1	5.9
1663	A18133	Nguyễn Thị Phương Thuý	15/07/1991	Phú Thọ	QB23c1	6.3
1664	A18134	Hoàng Anh	22/08/1991	Bắc Giang	QB23g9	5.9
1665	A18135	Phạm Anh Sơn	26/09/1992	Hà Nội	QB23b4	6.4
1666	A18136	Trần Bá Lĩnh	09/05/1992	Hà Tĩnh	QB23d4	6.4
1667	A18137	Vũ Thị Hồng	10/01/1992	Thanh Hóa	QB23d4	6.5
1668	A18142	Nguyễn Văn Du	05/09/1990	Thái Bình	QE23g2	6.4
1669	A18143	Trần Huy Hoàng	28/07/1992	Hà Nội	QB23a2	6.8
1670	A18144	Phạm Thu Trang	10/01/1992	Quảng Ninh	QA23g4	5.9
1671	A18145	Nguyễn Hồng Nam	27/08/1991	Hà Nội	QB23b4	5.9
1672	A18146	Nguyễn Thị Phương Mai	07/06/1992	Hà Nội	QB23c1	6.7
1673	A18147	Đỗ Tiến Đức	31/01/1992	Hà Nội	QB23c1	6
1674	A18148	Đặng Trung Hiếu	28/03/1992	Lào Cai	QB23e4	5.8
1675	A18149	Nguyễn Công Thắng	10/02/1992	Lào Cai	QB23g9	6.9
1676	A18150	Nguyễn Xuân Thái	13/09/1992	Hà Nội	QB23g1	6.9
1677	A18151	Lê Hà Khương Anh	09/05/1992	Lào Cai	QB23e4	6.4

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1678	A18152	Nguyễn Minh Khuê	12/04/1992	Hà Nội	QA23a1	6.6
1679	A18153	Phạm Trịnh Ngọc Lan	07/09/1992	Thanh Hóa	QB23g9	6.8
1680	A18155	Đào Trọng Tú	20/04/1992	Vĩnh Phúc	QB23g9	6.4
1681	A18156	Lê Thanh Thảo	25/09/1992	Bắc Giang	QB23e4	6
1682	A18159	Nguyễn Kim Phương	18/01/1992	Hà Nội	QB23a2	5.8
1683	A18160	Nguyễn Quốc Đạt	26/12/1992	Hà Nội	QE23d1	6.9
1684	A18161	Trần Nguyệt Tú	27/11/1992	Hà Nội	NE23a2	6.4
1685	A18162	Tạ Quang Anh	23/07/1986	Hà Tây	QB23c1	6.7
1686	A18170	Ngô Thị Thu Thủy	18/12/1992	Thái Nguyên	QB23g9	6.5
1687	A18172	Phạm Hà Ly	03/12/1992	Hà Nội	QA23b1	7.4
1688	A18174	Dương Thị Hiền Oanh	28/12/1992	Hà Nam	QA23c5	6
1689	A18176	Lê Thanh Tùng	22/06/1992	Quảng Ninh	QB23g9	6.3
1690	A18178	Nguyễn Thanh Hằng	30/08/1992	Hà Nội	QB23a2	6
1691	A18180	Tạ Thị Ngọc Ánh	05/07/1991	Gia Lai	QB23b4	6.2
1692	A18181	Nguyễn Việt Vượng	15/04/1992	Ninh Bình	TI23e1	5.9
1693	A18184	Nguyễn Thu Trang	03/05/1992	Nam Định	QA23a1	6.4
1694	A18185	Nguyễn Thuý Quỳnh	19/07/1992	Hà Nội	QA23a1	6.7
1695	A18186	Cao Nguyễn Việt Anh	03/03/1992	Nghệ An	QB23g9	6.6
1696	A18187	Nguyễn Thanh Tùng	14/12/1992	Hà Nội	QE23c1	6.6
1697	A18188	Ngô Duy Việt	05/02/1992	Hà Nội	QB23g1	6.4
1698	A18189	Nguyễn Bảo Ngọc	29/11/1992	Bắc Ninh	QA23d2	6.7
1699	A18193	Nguyễn Thị Vân Anh	23/12/1991	Bắc Giang	QA23g4	6.5
1700	A18194	Nguyễn Thị Hải Vân	08/06/1992	Bắc Ninh	QB23a2	6.4
1701	A18195	Nguyễn Thu Trang	05/02/1992	Phú Thọ	XW23g1	6.9
1702	A18196	Nguyễn Khánh Ly	20/12/1992	Hà Nội	QA23c5	6.5
1703	A18200	Phan Duy Thanh	01/02/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
1704	A18202	Nguyễn Thị Thu Hà	05/10/1991	Hà Nội	NE23a2	6.3
1705	A18203	Đoàn Thị Thúy	04/10/1990	Hưng Yên	QA23g4	6
1706	A18204	Đỗ Thế Hoàng Minh	06/11/1992	Hà Nội	QB23c1	6.1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1707	A18205	Nguyễn Đình Kiên	05/11/1992	Hà Nội	XV23c1	7.3
1708	A18206	Dương Thị Phương Anh	04/11/1991	Hà Nội	QE23c2	6.7
1709	A18209	Vy Thái Mai	03/12/1991	Quảng Ninh	QB23c1	5.5
1710	A18210	Nguyễn Hải Nam	31/03/1992	Hà Nội	TC23b1	5.7
1711	A18211	Nguyễn Xuân Hùng	07/09/1992	Hà Nội	NE23a2	6.6
1712	A18214	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	01/04/1992	Phú Thọ	QB23c1	7.1
1713	A18215	Nguyễn Thanh Tùng	01/03/1992	Hà Nội	QB23a2	6.4
1714	A18216	Lê Thị Thu	20/08/1991	Quảng Ninh	QB23e4	6
1715	A18218	Nguyễn Tiến Đạt	14/06/1992	Quảng Ninh	QB23e3	7
1716	A18219	Phạm Hoàng Minh	08/07/1992	Hà Nội	QB23g9	6.4
1717	A18220	Nguyễn Thị Hương Mai	04/06/1992	Yên Bái	QA23g4	6.9
1718	A18221	Bùi Duy Tuấn	20/11/1992	Hà Nội	QB23d4	5.9
1719	A18225	Nguyễn Quang Đức	21/12/1992	Hà Nội	QB23g9	6.7
1720	A18228	Nguyễn Anh Văn	25/02/1991	Hà Nội	QB23d4	6.2
1721	A18230	Phùng Thị Thùy Dương	26/04/1992	Hà Nội	QA23a1	6.7
1722	A18231	Hà Thị Hoa	16/10/1991	Thanh Hóa	QA23g4	6.4
1723	A18236	Nguyễn Khắc Việt Anh	20/03/1992	Hà Nội	QE23c2	6.4
1724	A18237	Nguyễn Thị Hoài Phương	13/11/1991	Quảng Bình	QB23c1	6.4
1725	A18238	Lý Thị Huyền Trang	31/10/1992	Hà Nội	SN23c1	6.2
1726	A18239	Cao Văn Sơn	10/01/1989	Nghệ An	QB23c1	5.8
1727	A18241	Nguyễn Hồng Vân	25/05/1992	Hà Nội	QB23g9	6.5
1728	A18242	Nguyễn Thị Hải Yến	07/08/1992	Hà Nội	QB23g1	6
1729	A18243	Nguyễn Thị Hương Giang	01/12/1992	Hà Nội	QB23c1	6.3
1730	A18244	Đỗ Ngọc Diệp	22/07/1992	Hà Nội	QB23c1	7.1
1731	A18246	Lê Mỹ Hạnh	27/05/1992	Quảng Ninh	QB23c1	6.8
1732	A18248	Nguyễn Xuân Kiên	28/12/1992	Hà Nội	QB23g9	6.4
1733	A18249	Nguyễn Bảo Ngọc	15/06/1992	Hà Nội	QA23c5	6
1734	A18250	Đoàn Văn Thành	22/12/1991	Hải Phòng	QE23g2	6.6
1735	A18254	Phạm Trà My	02/04/1990	Hà Nội	QB23a2	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1736	A18255	Nguyễn Thị Hoàng Yến	09/08/1991	Hà Nội	QE23c2	6.5
1737	A18257	Nguyễn Cao Huyền Lê	06/08/1991	Hà Nội	QB23g9	6.6
1738	A18258	Hoàng Thị Yến	28/12/1991	Thái Bình	SN23g1	6.9
1739	A18259	Trần Minh Hằng	15/09/1992	Hà Nội	QA23e2	6.4
1740	A18260	Trần Ngọc Vũ	25/12/1992	Hà Nội	QB23c1	6.9
1741	A18265	Nguyễn Thu Phương	28/09/1992	Hà Tây	QB23g9	6.2
1742	A18266	Nguyễn Thị Mai Linh	21/12/1992	Nghệ An	QB23g9	6.3
1743	A18268	Bùi Thị Lan Phương	26/03/1991	Hòa Bình	QH23g1	6.7
1744	A18269	Nguyễn Thị An	27/09/1991	Thái Bình	QB23g9	7
1745	A18270	Phạm Trọng Tiến	04/11/1991	Hải Dương	QB23g9	6.9
1746	A18272	Trần Danh Trọng	19/01/1991	Hà Nội	QB23g9	6
1747	A18273	Vũ Trà My	14/07/1991	Hà Nội	QH23g1	6.6
1748	A18274	Nguyễn Thị Lan	07/07/1992	Hà Tây	QA23g4	7
1749	A18277	Nguyễn Mạnh Hà	26/08/1991	Hà Nội	QB23g9	6.5
1750	A18279	Đình Thế Vinh	05/10/1992	Hà Nội	TI23g1	6.6
1751	A18280	Phạm Mai Phương	12/12/1992	Sơn La	QB23g9	6.4
1752	A18281	Nguyễn Hải Yến	25/10/1992	Quảng Ninh	QA23g4	6.5
1753	A18282	Nguyễn Hồng Anh	03/05/1992	Hà Nội	QB23g9	6.5
1754	A18285	Đào Thị Thu Trang	06/09/1992	Thái Bình	QA23g3	6.7
1755	A18286	Nguyễn Thị Giang	02/10/1991	Thái Bình	XW23g1	6.7
1756	A18287	Vũ Minh Tuấn	04/08/1991	Hà Nội	QB23g1	7.1
1757	A18288	Vũ Hoàng Đức	02/10/1992	Hà Nội	QA23g4	6.3
1758	A18289	Dương Thị Phượng	20/03/1992	Hà Nội	QB23g1	7.9
1759	A18290	Ngô Mai Hoa	11/12/1992	Hà Nội	XV23g1	6.3
1760	A18291	Nguyễn Hồng Nhung	02/12/1992	Bắc Ninh	QB23g2	6.5
1761	A18293	Trần Huy Hoàng	22/07/1992	Nam Định	TE23g1	6.2
1762	A18296	Phạm Thị Dung	02/09/1991	Thanh Hóa	XW23g1	6.9
1763	A18297	Nguyễn Thu Trang	09/10/1992	Hải Dương	QA23g1	6.4
1764	A18299	Nguyễn Phạm Hoàng Minh	22/03/1992	Quảng Ninh	XV23g1	6.3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp CN	Điểm Tổng kết
1765	A18300	Đào Thị Mỹ Hạnh	23/10/1992	Hà Nội	QB23g3	7
1766	A18305	Trần Huyền Trang	16/11/1991	Hà Nội	XW23b1	7